

NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA XÃ SUỐI TÂN, HUYỆN DIÊN KHÁNH

Nolwen Henaff, Đinh Thị Bích Loan



Bản đồ huyện Diên Khánh

Thông tin chung về địa bàn nghiên cứu

Đặc điểm kinh tế - xã hội

Diên Khánh nằm ở phía Tây Nha Trang, cùng với hai huyện miền núi kế cận, Khánh Sơn và Khánh Vĩnh, đây là một trong ba huyện của tỉnh Khánh Hoà không có bờ biển. Tuy nhiên, huyện lại nằm sát với thị xã miền biển Cam Ranh, và chạy dọc theo quốc lộ 1 - con đường huyết mạch nối miền Bắc và miền Nam. Vị trí địa lý thuận lợi này đã giúp địa phương phát triển công nghiệp, chủ yếu là công nghiệp chế biến hải sản.

Nằm ở phía Nam của huyện, Suối Tân là một trong 21 xã của huyện Diên Khánh. Xã có bốn thôn: Cây Xoài, Dầu Sơn, Đồng Cau, và Vĩnh Phú. Phần lớn dân cư, cũng như các cơ quan của xã như trụ sở Ủy ban nhân dân, trung tâm y tế, khu công nghiệp và các trường học nằm bên trục quốc lộ. Đa số dân là người Kinh, chỉ có 120 hộ Raglai (7,6% dân số của xã) - nhóm dân tộc thiểu số chính của hai huyện kế cận: Khánh Vĩnh và Khánh Sơn, và một vài hộ dân tộc Tày.

Dân số của xã đã tăng mạnh từ những năm qua, dù tỷ suất sinh thô của xã trong năm 2006 không cao: 17,4%, bằng tỷ suất trung bình của toàn quốc (Tổng cục thống kê 2006), với 10% phụ nữ sinh con thứ 3. Khi thành lập vào năm 1981, xã chỉ có 1.500 dân khẩu, đến năm 2006, dân số của xã là 7.107 người (1.582 hộ) (UBND xã Suối Tân 2006) tăng 14%. Việc tăng cơ học này là do dân các tỉnh khác đến làm nông nghiệp và ở khu công nghiệp. Những người này thường lưu trú trong các nhà trọ mới hình thành.

Cũng như các địa phương khác ở Việt Nam, mức sống của người dân đã được cải thiện trong những năm gần đây. Theo tiêu chí áp dụng cho giai đoạn 2001 - 2005¹, xã có 252 hộ nghèo vào đầu năm 2006 và đến cuối năm chỉ còn 178 hộ. Tuy nhiên, sự cách biệt giàu nghèo dường như lại tăng lên. Đã có 311 hộ khó khăn nhận được những khoản vay từ Ngân hàng Chính sách Xã hội (Ngân hàng cho người nghèo), khoảng 50 hộ khác được vay vốn nhỏ từ Ngân hàng Nông nghiệp thông qua các tổ chức quần chúng như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh. Năm 2006, trung tâm y tế xã đã tiến hành khảo sát tình hình

1. Ngưỡng nghèo là 80.000 VND/tháng/người cho vùng núi, hải đảo, 100.000 VND cho vùng đồng bằng, và 150.000 VND cho vùng đô thị trong giai đoạn 2001/05 (Quyết định số 1143/2000/QĐ-LĐTBXH ngày 01/01/2000 của Bộ Trưởng bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Trong giai đoạn 2006/10, ngưỡng đã được nâng lên 200.000 VND cho vùng nông thôn, và 260.000 VND vùng thành phố (Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/07/2005 của Thủ Tướng).

suy dinh dưỡng cho tất cả trẻ em dưới 36 tháng tuổi, kết quả có 19% trẻ bị suy dinh dưỡng. So với tỷ lệ chung của cả nước (hơn 20%), tình trạng trẻ suy dinh dưỡng ở xã không phải là vấn đề quá lo ngại. Trẻ em dưới sáu tuổi được cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí.² Xã cũng có Quỹ Bảo trợ trẻ em³ được sử dụng để hỗ trợ những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Gần đây xã đã hỗ trợ cho một số hộ gia đình Raglai những điều kiện để xây nhà. Những người tỉnh khác đến làm việc thường lưu trú trong 98 khu nhà trọ mới hình thành ở xã, gồm 651 phòng. Theo công an xã, đây cũng là khu vực xảy ra nhiều vấn đề ảnh hưởng tới an ninh của địa phương. Trong năm 2006, toàn xã xảy ra 75 vụ việc về trật tự an toàn xã hội (tăng 3 vụ so với năm 2005). (UBND Xã Suối Tân, Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động năm 2006: 13-14).

Hình 1. Xã Suối Tân



2. Theo luật Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (1991, sửa đổi năm 2003).
3. Năm 2006, quỹ này có hơn 12 triệu đồng và đã sử dụng gần một nửa.

70% nhân dân của xã sống bằng nghề nông nghiệp, chủ yếu là trồng lúa, ngô, mía đường, vườn cây ăn trái như xoài, nhãn, và chăn nuôi heo, bò, gia cầm. Nhưng hiện nay, nghề nông đang gặp nhiều khó khăn, thu hoạch bấp bênh, thu nhập phụ thuộc vào giá cả thị trường. Ngoài những khó khăn thường gặp do thời tiết như thiên tai, sâu bệnh, còn thêm các vấn đề mới như: các dịch bệnh mới phát triển (cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng); nguồn nước sạch dùng cho sinh hoạt không đảm bảo, đặc biệt là cho khu đồng bào dân tộc thiểu số do ảnh hưởng của nước thải từ khu công nghiệp;.... Xã đã xây dựng hệ thống tưới tiêu cho những vùng ở xa nguồn nước. Tỉnh cũng vừa mới đầu tư xây dựng hệ thống nước sạch, nhưng do thiếu vốn, đường ống đã được lắp đặt nhưng chưa sử dụng được. Hệ thống nước sạch lấy từ hồ Thúi Dầu này sẽ cung cấp cho 300 hộ dân thôn Cây Xoài.

Hình 2. Phát triển chăn nuôi trong xã



Sự xuất hiện của khu công nghiệp Suối Dầu vào đầu năm 2000 không những gây ảnh hưởng tới nguồn nước ở một số khu vực trong xã mà còn làm không khí ở đây ô nhiễm nghiêm trọng. Điều này có thể dễ dàng nhận thấy vào cuối buổi chiều, toàn bộ xung quanh khu công nghiệp, trong đó có các trường học bị bao trùm bởi những mùi rất khó chịu do việc sản xuất ở khu công nghiệp gây nên. Tuy nhiên, bên cạnh một số ảnh hưởng tiêu cực này, khu công nghiệp cũng có những tác động ít nhiều tới sự phát triển kinh tế, sản xuất của xã Suối Tân. Những hộ dân phải di dời, không còn đất sản xuất do ở trong khu vực quy hoạch xây dựng khu công nghiệp được nhận tiền đền bù và trở thành công nhân, người buôn bán nhỏ hay nuôi trồng thủy sản. Sản xuất, chế biến và dịch vụ đã phát triển và đa dạng hoá trong những năm gần đây ở trong và ngoài khu công nghiệp. Ngoài các ngành nghề cơ khí truyền thống như hàn tiện, làm bún, xay xát, sản xuất nước uống tinh khiết và cung ứng suất ăn công nghiệp, từ năm 2005 còn có thêm những ngành nghề mới như buôn bán điện thoại, xe máy. Nghề thủ công cũng phát triển rất mạnh, chủ yếu là mây tre đan và gia công cho các xí nghiệp. Trong khu công nghiệp, chế biến hải sản là hoạt động chính. Ngoài ra cũng có các xí nghiệp sản xuất đồ may mặc, giày da. Các xí nghiệp này rất cuốn hút giới trẻ. Một trong những tiêu chí tuyển dụng lao động của các xí nghiệp ở khu công nghiệp là độ tuổi, thường là dưới 30 tuổi.⁴ Các xí nghiệp trong khu công nghiệp, nhất là các xí nghiệp chế biến hải sản, tuyển dụng rất nhiều nhân công. Một đại diện cộng đồng cho biết: *"Khu công nghiệp có 14 công ty, với nhu cầu công nhân là trên 10 nghìn, mà dân số vùng có 8 nghìn. Do đó họ ưu tiên đến lao động của xã chỉ trừ thanh niên gầy rộc, đánh nhau, mất an ninh trật tự thì họ mới không nhận"*. Công việc ở những xí nghiệp này nhiều nhưng thất thường vì sản xuất cũng mang tính thời vụ. Do đó, nếu như thu nhập của họ có thể cao hơn làm nông nghiệp thì công việc lại không ổn định. Lương cơ bản trung bình là 750.000 đồng, và thu nhập bình quân, kể cả các loại tiền thưởng có thể lên đến 1.000.000 đồng/tháng. Với lao động không có tay nghề - lực lượng chiếm đa số lao động trong khu công nghiệp - họ chỉ có hợp đồng có thời hạn.

4. Đây không phải là vấn đề riêng của xã. Tuổi tác và sức khoẻ là những tiêu chí chính cho việc tuyển dụng công nhân không có chuyên môn (xem Henaff N., 2006, "Đầu tư trực tiếp nước ngoài, toàn cầu hoá và tuyển dụng tại Việt-nam" hay xem, n° 37, Henaff N. (dir.), *Di dân tìm việc làm vào miền Nam* : 73-92).

Nhìn chung, sự ra đời của khu công nghiệp đã có những tác động tích cực, tạo thêm việc làm cho người dân địa phương, nhưng cũng gây ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường xã hội và môi trường tự nhiên đặc biệt là nguồn nước và không khí trong xã.

Tình hình giáo dục của xã Suối Tân

Xã Suối Tân có một trường mẫu giáo dân lập, một trường mầm non tư thục (trường Sao Mai), một nhóm trẻ gia đình; một trường tiểu học công lập và một trường trung học cơ sở công lập. Học sinh trong xã có thể học ở các trường ở các xã bên cạnh hoặc ở thị trấn, tuy nhiên phải đi khá xa, ít nhất là 4km. Tình hình giáo dục cụ thể của xã Suối Tân thể hiện qua kết quả ở các bậc học như sau:

Về giáo dục mầm non

Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt được kết quả đáng khích lệ qua các năm. Năm học 2004 - 2005, có 61% trẻ ở độ tuổi từ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo - mầm non, trong đó 94% trẻ 5 tuổi ra lớp. Đến năm 2005-2006, có 75% trẻ em từ 3 - 5 tuổi đi học mẫu giáo - mầm non, tất cả trẻ em 5 tuổi đều ra lớp, chỉ trừ một em bị câm điếc.

Về giáo dục tiểu học

Tỷ lệ huy động ra lớp và tốt nghiệp tiểu học tăng cao. 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Năm học 2005 - 2006, 98% trẻ em 11 tuổi và 98,9% trẻ 14 tuổi đã tốt nghiệp tiểu học. Tỷ lệ lưu ban đã giảm dần qua các năm kể từ đầu thập niên này (Xem bảng 1). Theo số liệu thống kê, từ năm học 2003 - 2004, xã không còn học sinh tiểu học bỏ học, trong khi tỷ lệ này ở cùng năm học của toàn huyện là 0,16% và của toàn tỉnh là 0,2%. Hầu hết các em bỏ học nhanh chóng được huy động trở lại trong chương trình phổ cập giáo dục. Tuy nhiên, qua tìm hiểu thực tế vẫn còn một số trường hợp bỏ học mà không tham gia học phổ cập giáo dục. Có thể vì con số này quá nhỏ nên không được thể hiện trên số liệu báo cáo.

Tỷ lệ học sinh học tiếp lên trung học cơ sở có xu hướng tăng và tỷ lệ bỏ học giữa chừng ở cấp học này đã giảm mạnh. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6 tăng từ 78% năm 2001 lên 98,8% vào năm 2006. Tỷ lệ bỏ học trung học cơ sở giảm dần từ 6% năm học 2001 - 2002 xuống 2,4% năm học 2005 - 2006; nhưng vẫn còn hơi cao so với

tỷ lệ chung của toàn huyện Diên Khánh (2,12%) và của toàn tỉnh (2%). Tỷ lệ lưu ban ở cấp học này lại có xu hướng tăng nhẹ trong những năm gần đây, từ 1,5% năm học 2002 - 2003 lên 2,4% vào năm học 2005 - 2006. Tuy nhiên, tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở của xã được duy trì khá ổn định ở các năm học 2002 - 2003, 2003 - 2004, 2004 - 2005 (trên 96%); riêng năm học 2005 - 2006, tỷ lệ này giảm mạnh (93,1%) do số lượng các em thi trượt ở kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở chính khóa cao (65 em). Những học sinh này được chính quyền xã và Phòng Giáo dục đầu tư, bồi dưỡng để được tốt nghiệp trung học cơ sở cùng 15 học viên phổ cập ở xã vào cùng năm. Công tác phổ cập ở cấp học này của xã cũng đạt được kết quả đáng khích lệ: 85,6% học sinh trong độ tuổi từ 15-18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở.

Bảng 1. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở - Các chỉ số chính của xã, 2000 - 2001 / 2005 - 2006

	Chỉ số	2000/01	2001/02	2002/03	2003/04	2004/05	2005/06
Tiểu học	Số trẻ em vào lớp 1 (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
	Số trẻ em ra lớp	78,9	90,4	90,1	90,7	93,2	96,7
	Số lưu ban (%)	2,0	1,7	1,5	0,8	0,7	0,7
	Số bỏ học (%)	0,5	0,4	0,2	0,0	0,0	0,0
	Tỉ lệ trẻ 11 tuổi tốt nghiệp tiểu học (%)	79,8	90,4	90,1	90,6	93,2	98,0
	Tỉ lệ trẻ 14 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở (%)	93,9	99,4	97,9	98,8	100,0	98,0
	Học sinh lớp phổ cập*	15	3	7	10	5	4
	Tỉ lệ tuyển sinh vào lớp 6 (%)	97,0	98,0	98,0	98,0	95,0	98,8
Trung học cơ sở	Trẻ TNTH vào lớp 6 (%)	78,0	85,0	99,4	100,0	96,0	98,8
	Tỉ lệ lưu ban (%)	3,0	2,5	1,5	1,0	1,5	2,4
	Tỉ lệ bỏ học (%)	5,5	6,0	6,0	3,0	3,0	2,4
	Số học sinh phải huy động	-	99	45	62	28	12
	Số học sinh phổ cập*	-	83	42	61	15	9
	Số học xong một lớp	-	42	15	23	8	-
	Số lớp phổ cập	-	5	2	2	2	1
	Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (%)	82,2	92,0	96,0	97,0	98,1	93,1
	Tỉ lệ trẻ 15-18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở (%)	48,8	60,2	66,9	80,4	83,3	85,6

Nguồn: UBND Xã Suối Tân - Ban Chỉ đạo PCGDTHCS; Số liệu thống kê các lớp phổ cập trường TH Hanh Thông; Số liệu thống kê các lớp phổ cập THCS xã Suối Tân; * Số liệu do Ban Giám hiệu trường tiểu học cung cấp.

Xã không có trường trung học phổ thông. Để học tiếp lên cấp học này, những học sinh có đủ điều kiện học lực, tài chính và có nguyện vọng của xã phải đăng ký học tại trường trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám ở thị xã - cách xã Suối Tân khoảng 10km, hoặc trường trung học phổ thông ở xã khác. Thực tế, số lượng các em đã tốt nghiệp trung học cơ sở ở xã học tiếp lên trung học phổ thông rất thấp. Phần lớn học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở đi làm thuê, theo học các lớp dạy nghề hoặc đi làm việc ở khu công nghiệp; cũng có những em về Nha Trang làm việc trong các nhà hàng, khách sạn. Một trong những lý do chính của tình trạng này là điều kiện kinh tế của gia đình hạn chế, không đảm bảo cho chi phí nhà trọ và ăn uống để học tập; đồng thời việc phải đi lại xa ảnh hưởng tới sức khỏe cũng như sự an toàn của các em, đặc biệt khi đi trên đường quốc lộ. Chính vì thế, trong các cuộc phỏng vấn, nhiều phụ huynh đã cho rằng việc không có trường trung học phổ thông tại xã thực sự là một vấn đề đáng quan tâm. Ngoài ra, nhận thức của cha mẹ học sinh và các em cũng là lý do quan trọng dẫn tới tỷ lệ học sinh học trung học phổ thông thấp. Qua tìm hiểu cho thấy, nhiều gia đình và học sinh không muốn học tiếp lên trung học phổ thông vì sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở các em cũng đã có thể tìm được việc làm tại khu công nghiệp ở địa phương. Có thể thấy, việc học tiếp lên lớp 10 chỉ dành cho các em có học lực tốt và gia đình có điều kiện cho các em học lên cao.

Nhìn chung, so với tình hình giáo dục trong huyện Diên Khánh và tỉnh Khánh Hòa, giáo dục của xã Suối Tân, thể hiện qua các chỉ số về giáo dục ở cả ba cấp học, đã đạt được những kết quả tích cực. Việc huy động học sinh ra lớp ở mầm non, tiểu học đạt tỷ lệ rất cao; tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban được hạn chế. Nhờ đó, tỷ lệ phổ cập đúng độ tuổi đã gia tăng trong mười năm trở lại đây. Xã cũng đã đạt được các mục tiêu về phổ cập tiểu học nhờ việc tiếp nhận có hệ thống các học sinh bỏ học. Tuy nhiên, nếu không tiếp tục giảm được số học sinh bỏ học trung học cơ sở sẽ gây khó khăn cho việc phổ cập trung học cơ sở sau này.

Kết quả nghiên cứu về chất lượng giáo dục xã Suối Tân

Giới thiệu về các trường được nghiên cứu

Trường Mẫu giáo dân lập Suối Tân

Trường được thành lập vào năm 1992, cùng với thời gian thành lập trường tiểu học. Trước đây, trường có ba lớp, hiện nay có 7 lớp, đón nhận 204 trẻ tại trường chính và hai điểm trường phụ, trong số đó có 18 trẻ là người dân tộc thiểu số. Điểm trường chính đặt tại thôn Đồng Cau, cách trục quốc lộ khoảng 600m, đằng sau trường là đường tàu hỏa, với 1 lớp dành cho trẻ 4 tuổi, hai lớp cho trẻ 5 tuổi. Hai điểm phụ tại thôn Cây Xoài và Dầu Sơn, mỗi nơi có hai lớp cho trẻ 4 tuổi và 5 tuổi, tuy nhiên ở thôn Dầu Sơn do điều kiện 2 lớp học ở xa nhau nên không phân lớp theo lứa tuổi mà phân lớp theo vị trí đi lại thuận lợi cho các em. Hàng tuần, hiệu trưởng phải chia thời gian để đi thăm các điểm phụ, ít nhất một lần một tuần.

Trẻ ở trường hai buổi: buổi sáng các em học từ 7 giờ đến 10 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ đến 16 giờ 30. Các em ăn trưa tại gia đình vì trường không phục vụ ăn trưa cho học sinh.

Trường có một hiệu trưởng và 7 giáo viên, trong đó chỉ có hiệu trưởng thuộc biên chế nhà nước, các giáo viên đều là giáo viên hợp đồng. Mỗi giáo viên phụ trách một lớp, trong trường hợp có giáo viên vắng, hiệu trưởng sẽ phải dạy thay.

Về tài chính, các khoản thu học phí và quỹ xây dựng từ phụ huynh được nhà trường nộp lên Ủy ban Nhân dân xã. Hàng năm, xã cấp cho trường một khoản tiền để mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học. Với tất cả các khoản chi, hiệu trưởng phải lập kế hoạch xin kinh phí và được sự nhất trí của Ủy ban Nhân dân xã. Do không có kế toán nên hiệu trưởng phải làm việc trực tiếp với kế toán xã về các thủ tục tài chính. Đôi khi, việc này làm giảm vị thế của người hiệu trưởng vì phải chờ đợi kế toán xã để giải quyết những khoản chi không đáng kể.

Trường tiểu học Suối Tân

Trước đây vốn là trường cấp I, II và chỉ có một ban giám hiệu. Đến cuối năm 1995, tách ra thành trường tiểu học Suối Tân và Trung học cơ sở Phan Đình Phùng, tuy thế, hai trường vẫn chung cổng vào và sân chơi.

Cổng chính của cả hai trường nằm ở mặt đường quốc lộ và cổng sau của hai trường này cũng chung nhau. Trường có một điểm trường phụ được xây dựng năm 1996 cách điểm trường chính khoảng 3 km để nhận các em ở thôn Cây Xoài và khu vực kề cận. Diện tích điểm trường phụ là 1ha, với cảnh quan rất đẹp, nhiều cây xanh. Việc điều hành, quản lý mọi hoạt động và tài chính ở hai điểm trường này được thực hiện chung và thống nhất như nhau trên nguyên tắc đảm bảo tính công bằng. Ban giám hiệu gồm hiệu trưởng và một hiệu phó luân phiên trực hàng ngày tại hai điểm trường. Các hoạt động chuyên môn của trường cũng được luân phiên tổ chức ở hai địa điểm. Qua trao đổi cho thấy việc có hai điểm trường không gây khó khăn gì cho công tác quản lý và tổ chức giảng dạy của trường.

Năm học 2005 - 2006, trường có 23 lớp: 13 lớp ở điểm chính và 10 lớp ở điểm phụ ở cả 5 khối lớp, với tổng số học sinh toàn trường là 729 em. So với những năm học trước, số học sinh nhập học giảm dần, một trong những nguyên nhân của hiện tượng này là do tỷ lệ sinh giảm (xem bảng 2). Học sinh được xếp lớp ở điểm chính hay điểm phụ căn cứ vào địa bàn các em ở.

Gần 8% học sinh của trường là người dân tộc thiểu số, đa số là dân tộc Raglai. Thực tế, Suối Tân là một trong năm xã của huyện có học sinh là người dân tộc thiểu số và là xã có số học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số đông thứ hai của huyện (58 em trong năm học 2005 - 2006), sau xã Suối Cát (335 em).

Do không đủ phòng học, trường tổ chức dạy một buổi/ngày, theo hai ca: sáng và chiều. Tuy nhiên từ khối lớp một đến khối lớp bốn, mỗi khối có một lớp học hai buổi/ngày. Ngoài ra còn có những lớp phụ đạo bắt buộc được tổ chức cho học sinh yếu, vào ngày thứ bảy.

Năm học 2006 - 2007, trường có 34 cán bộ công nhân viên trong đó có 26 giáo viên thuộc biên chế Nhà nước, bốn người phụ trách hành chính, trong đó một người là nhân viên hợp đồng, và hai nhân viên hợp đồng làm tạp vụ.

Về kinh phí hoạt động, hàng năm trường tiểu học lên kế hoạch chi tiêu trình Phòng Giáo dục huyện. Trên cơ sở làm việc với Phòng Giáo dục huyện, Phòng Tài chính của huyện sẽ duyệt và cấp kinh phí hàng năm

cho trường và trường sẽ lấy trực tiếp kinh phí này ở Kho bạc, nếu có khoản chi nào ngoài dự trù, nhà trường phải xin phép các cấp. Trường có một kế toán trong biên chế nhà nước đảm nhiệm các công việc về tài chính của trường.

Trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng

Trường nằm trong khuôn viên rộng khoảng 8.000m², chung với Trường Tiểu học Suối Tân. Học sinh các lớp của trung học cơ sở Phan Đình Phùng thay phiên nhau trực ở cổng ra vào để tránh tình trạng học sinh tự ý ra ngoài cổng trường trong giờ học hoặc người lạ vào trong trường.

Từ 521 học sinh nhập học vào năm học 1996 - 1997, trường đã có 719 học sinh ở năm học 2005 - 2006, trong đó 99% là học sinh đến từ Trường Tiểu học Suối Tân. Số học sinh trung học tăng liên tục, dù số học sinh tiểu học không tăng. Trong đó, gần 7% là các em học sinh dân tộc thiểu số (tương đương 45 em trong năm học 2006 - 2007). Điều này có được một phần nhờ chính sách phổ cập giáo dục (xem bảng 3).

Hình 3. Trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng



Trường tổ chức dạy hai ca một ngày: lớp 8 và lớp 9 học buổi sáng, lớp 6 và lớp 7 học buổi chiều. Năm học 2005 - 2006, trường có 18 lớp: bốn lớp 6, năm lớp 7, bốn lớp 8 và năm lớp 9. Ngoài ra, còn tổ chức các lớp phụ đạo cho học sinh yếu kém. Các lớp phổ cập cũng học ở các phòng học này vào buổi tối.

Trường có 38 cán bộ công nhân viên, trong đó có một hiệu trưởng, một hiệu phó, 33 giáo viên và ba nhân viên hành chính. Hai giáo viên và một nhân viên hành chính là nhân viên hợp đồng. Trường có gần 1/3 giáo viên có thâm niên dưới năm năm.

Lương giáo viên trước đây do Sở Giáo dục chuyển qua Phòng Giáo dục để chuyển về cho trường, nhưng hiện nay Phòng Tài chính huyện chuyển trực tiếp cho trường và trường phát cho giáo viên. Kinh phí hoạt động, phương thức quản lý tài chính của trường trung học cơ sở giống như trường tiểu học.

Bảng 2. Số học sinh trường mẫu giáo Suối Tân

Điểm trường	Số lớp	HS/lớp (4 tuổi)	HS/lớp (5 tuổi)	Tổng số
Đồng Cau	3 lớp	30	30	92
		-	32	
Cây Xoài	2 lớp	18	30	48
Dấu Sơn	2 lớp	30 (4 tuổi + 5 tuổi)	34 (4 tuổi + 5 tuổi)	64
Tổng số học sinh				204

Nguồn: Số liệu do Ban Giám hiệu trường mẫu giáo cung cấp.

Bảng 3. Số học sinh Tiểu học qua từng năm 1996 - 1997 đến 2005 - 2006

	1996/97	1997/98	1998/99	1999/00	2000/01	2001/02	2002/03	2003/04	2004/05	2005/06
Nam	450	478	504	521	491	470	447	422	378	368
Nữ	446	476	467	475	445	458	410	416	376	361
Cộng	896	954	971	996	936	928	857	838	754	729

Nguồn: Số liệu do Ban Giám hiệu trường tiểu học cung cấp.

Bảng 4. Số học sinh trung học cơ sở qua từng năm 1996 - 1997 đến 2005 - 2006

	1996/97	1997/98	1998/99	1999/00	2000/01	2001/02	2002/03	2003/04	2004/05	2005/06
Nam	263	270	276	301	304	321	280	316	327	343
Nữ	258	283	291	281	299	328	375	351	356	376
Cộng	521	553	567	582	603	649	655	667	683	719

Nguồn: Số liệu do Ban Giám hiệu trường trung học cơ sở cung cấp.

Đánh giá về các điều kiện thực hiện chất lượng giáo dục

Cơ sở vật chất và thiết bị đồ dùng dạy học

Trường Mẫu giáo Suối Tân

Điều kiện trường, lớp: Cho đến năm 2005, các điểm trường đều chưa có tường rào bao quanh, và lại không có nhân viên bảo vệ nên trường trở thành một trong những địa điểm mà một số người thiếu ý thức đến tiêm chích hoặc gây mất vệ sinh nhà trường, ảnh hưởng rất nhiều tới môi trường giáo dục. Tuy nhiên, từ một năm nay, trường đã có tường rào, tình hình đã được cải thiện. Một trong những giáo viên từ Nha Trang lên dạy ở đây, vì không có nhà ở nên ở lại trường và kiêm luôn việc bảo vệ trường vào buổi tối.

Khu vực trường chính không quá gần quốc lộ nên ít bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn do các phương tiện giao thông gây ra, nhưng phía sau trường có đường tàu chạy qua gây ảnh hưởng không nhỏ tới giờ học.

Trường chưa đạt chuẩn quốc gia. Hiện trường có tám phòng học cấp 4 với 5 phòng học kiên cố, trong đó có ba phòng đúng quy cách chuẩn vừa mới được Dự án hạ tầng cơ sở nông thôn đầu tư xây dựng để tập trung các nhóm trẻ về trường chính vì điểm trường phụ quá gần chợ và khu công nghiệp. Các phòng mới này rộng rãi, kang trang, thoáng mát, đầy đủ ánh sáng, nền lát gạch hoa. Trang trí trong các phòng học cũng đã được Ban giám hiệu và giáo viên chú ý để đảm bảo môi trường giáo dục phù hợp với trẻ em ở lứa tuổi mẫu giáo. Trường chưa có phòng chức năng, phòng thiết bị.

Tại điểm trường chính, chỉ có phần sân trước phòng hiệu trưởng có tráng xi măng, các nơi khác bằng cát. Sân có trang bị một xích đu, đu quay cho trẻ do Ủy ban Nhân dân xã mua cách đây bốn, năm năm. Các điểm trường phụ chỉ có sân cát, không có đồ chơi ngoài trời. Bà D., mẹ của một học sinh lớp mẫu giáo lớn giải thích rằng đó là lý do vì sao một số cha mẹ học sinh thích gửi con đến trường tư thục Sao Mai, hay trường Hoa Phượng dưới thị trấn Diên Khánh hơn là ở đây dù “*Các em được học đầy đủ chương trình, nhưng việc phát triển năng khiếu thì hạn chế, không so sánh được*”.

Vệ sinh: Vấn đề vệ sinh ở đây cần được quan tâm. Nếu ở điểm trường chính, năm 2006 đã được đầu tư xây dựng nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh (hai cái dành cho nam và ba cái dành cho nữ), thì ở các điểm phụ không có công trình vệ sinh nào cho cả giáo viên và học sinh. Khi cần, giáo viên dẫn các em qua nhà dân ở gần trường và các em còn lại trong lớp tự trông nhau nếu không nhờ được ai trông giúp. Đây là điều rất đáng lo ngại bởi không chỉ vấn đề nhu cầu tối thiểu của giáo viên và học sinh không được đáp ứng mà còn là vấn đề về an toàn của trẻ em không đảm bảo.

Trường tiểu học Suối Tân

Điều kiện phòng học: Có 14 phòng học sử dụng cho 23 lớp, trong đó 4 phòng dành cho các lớp học hai buổi ngày. Các phòng học đều là phòng cấp 4, điều kiện ánh sáng tương đối đảm bảo do có nhiều cửa sổ; mỗi phòng có hai quạt trần. Tuy nhiên, một số phòng học đã xuống cấp. Báo cáo cuối năm của trường ghi rõ là kinh phí của trường không đủ để sửa mái của bốn phòng học đã xuống cấp vì bị dột, mưa ướt. Vì không đủ phòng học, nên trường không tổ chức dạy học hai buổi/ngày cho toàn trường như một số trường tiểu học khác trên toàn quốc, nhưng theo kế hoạch tương lai gần, trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng sẽ chuyển tới cơ sở mới và trường tiểu học sẽ có thêm một số phòng học để triển khai dạy hai buổi/ngày.

Phòng học được trang bị bàn ghế bằng gỗ, mỗi bàn dành cho bốn học sinh. Như một giáo viên tiểu học đã giải thích, bàn ghế này không phù hợp với độ tuổi học sinh “*và khi học sinh viết, các em phải nằm lên bàn [...] hay phải đứng*.” Ngoài việc không phù hợp, số bàn ghế này cũng không tiện dụng cho việc tổ chức học nhóm.

Phòng chức năng: Văn phòng ban giám hiệu đồng thời là phòng hội đồng chính là nơi đặt bàn bóng bàn nhưng đã được coi nơi bằng cách xây thêm hai tường trước sau và lợp tôn lên khoảng trống giữa hai khu phòng học để sử dụng. Một phòng học được chia làm đôi, dùng làm thư viện và phòng thiết bị; muốn vào đây bắt buộc phải đi qua phòng ban giám hiệu. Điều này có thể làm học sinh ngại khi muốn sử dụng thư viện và không khuyến khích các em đọc thêm sách ở trường.

Trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng

Phòng học - phòng chức năng: Trường cũng gồm hai dãy nhà cấp 4 như trường tiểu học Suối Tân với 9 phòng học cho 18 lớp. Thiết kế và điều kiện phòng học cũng giống ở trường tiểu học Suối Tân; và đã tương đối cũ. Có hai phòng dành cho ban giám hiệu và hành chính, ngoài ra có một phòng dành cho thư viện và một phòng dành làm phòng Hội đồng. Thư viện đơn giản chỉ là một kho để sách, không có phòng đọc. Bốn phòng trước đây là khu nội trú của giáo viên, hiện nay được dùng để cất giữ đồ dùng dạy học cho các bộ môn: hoá - sinh, toán - lý, sử - địa và ngoại ngữ. Đây cũng là dãy nhà cấp 4, đã khá cũ, không đảm bảo điều kiện bảo quản trang thiết bị. Một giáo viên kiêm nhiệm công việc quản lý những phòng chứa thiết bị dạy học này. Trường Phan Đình Phùng không có phòng thực hành. Tình trạng này không chỉ ở riêng trường Phan Đình Phùng mà ở nhiều trường thuộc huyện Diên Khánh.⁵ Vấn đề này gây ra nhiều khó khăn cho giáo viên vì đến những tiết dạy có thực hành, giáo viên phải mang đồ dùng dạy học lên lớp, điều này làm mất rất nhiều thời gian của cả giáo viên và học sinh. Ngoài ra, cũng gây ra nguy hiểm cho học sinh, không đảm bảo vệ sinh đặc biệt là trong những tiết hoá học hay khoa học tự nhiên, học sinh thường phải sử dụng các dung dịch hóa học hoặc những mẫu vật sống.

Môi trường học tập: Việc hai trường trung học cơ sở và tiểu học ở chung trong một khuôn viên, chung cổng đi vào gây khó khăn cho việc dạy học ở cả hai trường, vì hai bậc học không có chung thời gian biểu, một số lớp có thể đang giờ ra chơi trong lúc một số lớp khác đang học, do đó

5. Năm học 2003/04, chỉ có duy nhất 9 phòng thực hành cả môn khoa học tự nhiên trên toàn tỉnh, trong 48 trường cấp 2 [3. p. 17].

giờ học của những lớp không ra chơi bị ảnh hưởng, đôi khi bị ngắt quãng bởi tiếng ồn từ sân chơi. Ngoài ra, do nằm ngay bên đường quốc lộ nên các lớp học còn bị ảnh hưởng nhiều bởi những tiếng ồn từ các phương tiện giao thông trên đường quốc lộ và tiếng ồn do các lớp học không được cách âm, đặc biệt khi lớp bên cạnh có tiết hát nhạc.

Ở cả hai trường tiểu học và trường trung học cơ sở đều không có nhà tập thể cho giáo viên. Do đó giáo viên cũng than phiền là những người từ xa đến dạy ở trường không có nơi nào để nghỉ ngơi. Thực tế, đây là tình hình chung trên cả nước, không phải trường nào cũng có điều kiện có khu nhà ở cho giáo viên ở xa.

Nhà vệ sinh: Trường tiểu học và trường trung học cơ sở đều có nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh, nam riêng nữ riêng, nhưng số lượng chưa đủ: một phòng cho khoảng 150 học sinh. Tuy nhiên ở điểm trường chính của trường tiểu học, giáo viên phải dùng chung với học sinh, giáo viên nam với học sinh nam, giáo viên nữ với học sinh nữ; điều này gây bất tiện cho cả giáo viên và học sinh.

Điện, nước: Cả ba trường đều có điện và ít khi bị mất điện, nhưng buổi chiều thường điện rất yếu, do đó ánh sáng trong lớp học nhiều khi không đảm bảo cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh vào buổi chiều.

Nước uống không hợp vệ sinh, do đó học sinh và giáo viên đều dùng nước bình mua ở bên ngoài. Hàng tháng, học sinh nộp tiền mua nước uống. Riêng ở những điểm phụ của trường Mầm non, học sinh tự mang nước uống.

Cả trường tiểu học và trường trung học cơ sở đều không có căng tin phục vụ ăn trưa; những học sinh học lớp 2 buổi/ngày phải về nhà ăn trưa hay mua đồ ăn của những người bán rong quanh trường.

Như vậy, điều kiện cơ sở vật chất của các trường ở xã Suối Tân còn rất khiêm tốn, khả năng tài chính chi trả cho việc duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất ở trường còn hạn chế. Từ năm học 2006 - 2007, với qui định mới xóa bỏ thu quỹ xây dựng thì việc chủ động đầu tư, cải thiện cơ sở vật chất của các trường dường như khó khăn hơn. Bởi vì, việc đầu tư cải thiện cơ sở vật chất cũng phải được cơ quan có thẩm quyền như phòng giáo dục, phòng tài chính huyện duyệt. Trên thực tế, một phần những

khó khăn về cơ sở vật chất của các trường sẽ được xoá bỏ khi nhập một số lớp của mẫu giáo ở điểm trường phụ về điểm trường chính và xây dựng xong cơ sở mới đạt chuẩn quốc gia cho trường trung học cơ sở Phan Đình Phùng. Tuy nhiên, vấn đề vệ sinh, nhất là cho giáo viên mẫu giáo và trang bị cơ sở vật chất cho các phòng học của tiểu học cần được giải quyết sớm.

Điều kiện đi học

Đường đến trường

Đối với trường mẫu giáo, hiện nay, các em được học tại trường ở trong thôn và khoảng cách xa nhất mà cha mẹ phải đi để đưa con em đến trường là khoảng 1,5 cây số. Dự định nhập các lớp học ở điểm trường phụ về điểm trường chính sẽ làm tăng thêm khoảng cách đi lại cho cha mẹ các thôn Cây Xoài và Dầu Sơn. Theo cô hiệu trưởng, khi đó phải tính tới việc tổ chức học bán trú. Thực tế, việc không có lớp bán trú gây khó khăn lớn cho cha mẹ trẻ vì thời gian làm việc của họ không trùng với thời gian biểu của các em; hơn nữa việc đưa đón con em đi học nhiều lần trong ngày gây khó khăn về thời gian cho phụ huynh. Do đó, một số phụ huynh thích gởi con đến trường tư thục Sao Mai, vì ở đó có bán trú và họ có thể đưa cháu đến sớm và đón cháu muộn hơn.

Đối với trường tiểu học và trung học cơ sở, để tới trường, đa số học sinh phải đi ít nhất ba cây số. Các em thường đi bộ hoặc đi xe đạp hay cha mẹ đưa đến. Cha mẹ không được phép vào trong sân trường. Vấn đề ở đây không những là khoảng cách, mà là an toàn, nhất là với các em phải băng qua quốc lộ đến trường. Đã có những tai nạn xảy ra với người dân và học sinh ở đây. Mặc dù, đã có đường kẻ đánh dấu lối sang đường dành cho người đi bộ trước cổng trường tiểu học, nhưng cũng như nhiều nơi ở Việt Nam, nó dường như chỉ có ý nghĩa tượng trưng, các phương tiện giao thông thường không đi chậm lại khi qua khu vực trường học. Đặc biệt giao thông ở đây nguy hiểm cho những em học lớp phổ cập và lớp phụ đạo vào buổi tối vì điều kiện chiếu sáng trước cổng trường không có. Trước đây một vài năm, trường tiểu học đã cử người tổ chức sang đường cho các em mỗi ngày, nhưng cũng chỉ duy trì được trong thời gian ngắn, hiện nay các em đều tự lo. Tất cả các bên liên quan tham gia phỏng vấn trong đó có cả đại diện chính quyền địa phương đều không đưa ra được giải pháp cho vấn đề này. Cha mẹ hay đại diện hội cha mẹ học sinh cho rằng đây là vấn đề thuộc thẩm

quyền của xã, trong khi chính quyền xã giải thích rằng đường quốc lộ do tỉnh quản lý, hơn nữa vì đây là quốc lộ nên còn thuộc phạm vi quản lý của cả ngành giao thông. Do đó, họ không thể can thiệp được gì, không thể tự cho đặt biển báo giảm tốc độ hay làm đoạn đường giảm tốc độ ở khu vực này, và cũng không thể đề nghị xây cầu vượt hay hầm ngầm nếu không có sự nhất trí và kinh phí của tỉnh. Xã cũng không có điều kiện để tổ chức xe đưa đón học sinh, kể cả các học sinh cấp ba phải đi 10 cây số mới tới trường. Do đó, chỉ còn cách duy nhất là tuyên truyền cho các em về an toàn giao thông ngay từ lớp mẫu giáo để các em tự ý thức bảo vệ mình, và khuyến khích các em mua bảo hiểm tai nạn - một loại bảo hiểm không bắt buộc.

Chi phí cho việc học

Đầu năm học, Sở giáo dục gửi công văn trong đó quy định các khoản học sinh phải đóng góp đến tất cả các trường. Các trường thông báo cho tất cả các học sinh về các khoản bắt buộc và không bắt buộc phải nộp. Các khoản đóng góp này cũng sẽ được thông báo trong buổi họp cha mẹ học sinh đầu năm học và ban đại diện cha mẹ học sinh sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc thu của trường cho đúng với qui định trong văn bản. Trường Mẫu giáo thu học phí từ cha mẹ học sinh và đóng lại cho kế toán xã - cơ quan chịu trách nhiệm điều phối khoản thu này. Đối với các trường tiểu học và trung học cơ sở, các khoản thu từ học sinh sẽ được chuyển lên huyện.

Bảng 5. Chi phí học tập ở mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở năm 2006 - 2007

			Mẫu giáo		Tiểu học		Trung học cơ sở	
			Số tiền	Thời gian	Số tiền	Thời gian	Số tiền	Thời gian
Khoản đóng góp bắt buộc	Học phí		10 000	Học kỳ	-	-	72 000	Năm
	Quỹ hội cha mẹ học sinh		10 000 [*]	Năm	20 000	Năm	20 000	Năm
	Quỹ đội/quỹ lớp		-	-	5 000	Năm	1 000	Tuần
	Học bạ, giấy thi		-	-	15 000	Năm	-	-
	Phí thi		-	-	-	-	21 000	Năm
	học phí buổi thứ hai		-	-	35 000	Tháng	-	-
	Nước		4 000	Tháng	25 000	Năm	20 000	Năm
Lớp phụ đạo (bắt buộc đối với học sinh yếu)			-	-	10 000	Tháng	4 000	Tháng ¹
	Bảo hiểm y tế		Miễn phí	-	40 000	Năm	40 000	Năm
	Bảo hiểm tai nạn		30 000	Năm	30 000	Năm	30 000	Năm
	Tổng		30 000	Năm	70 000	Năm	30 000	Năm
Total (hors assurances)			76 000 ²	Năm	55 000/415 000 ³	Năm	148 000/209 000 ⁴	Năm
Chi tiết:	Lớp 9	Học sinh trung bình /giỏi	-	-	-	-	169 000	Năm
		Học sinh học phụ đạo	-	-	-	-	489 000	Năm
	Lớp hai buổi ngày	Học sinh trung bình/giỏi	-	-	380 000	Năm	-	-
		Học sinh học phụ đạo	-	-	460 000	Năm	-	-
	Các lớp khác	học sinh trung bình/giỏi	-	-	65 000	Năm	148 000	Năm
		Học sinh học phụ đạo	-	-	145 000	Năm	-	-

* Từng gia đình. ** Dụng cụ học tập, đồ dùng, sách vở...

1 Tính trên 177 ngày thực học trong năm.

2 Trên tám tháng vì các lớp phụ đạo bắt đầu từ tháng 10.

3 Tính trên 177 ngày thực học trong năm, và 1.000 đồng/tuần. Hình nhỏ số tiền đóng thay đổi tùy theo lớp, giao động từ 2.000 đến 4.000 đồng/tháng.

Chi phí học tập, từ mẫu giáo đến trung học cơ sở đều được ghi trên bảng số 4 trên đây. Chi phí cho một năm học đối với mỗi học sinh mẫu giáo trung bình là 367.000 đồng/năm đến 377.000 đồng/năm; từ 65.000 đồng/năm đến 380.000 đồng/năm cho một học sinh tiểu học và từ 158.000 đồng/năm đến 819.000 đồng/năm cho một học sinh trung học cơ sở. Có thể tính thêm bảo hiểm: 30.000 đồng cho các em mẫu giáo và 70.000 đồng/học sinh ở các bậc học khác.

Thêm vào đó, phải tính thêm những khoản chi khác liên quan đến việc học tập (dụng cụ học tập, đồng phục, sách vở, ăn uống, đi lại). Các trường thu tiền của học sinh và chịu trách nhiệm mua. Dụng cụ học tập tốn khoảng 51.000 đồng cho lớp 4 tuổi và 61.000 đồng cho lớp 5 tuổi, trong đó 10.000 đồng để mua đồ chơi và đồng phục 25.000 đồng. Ở tiểu học và trung học cơ sở, tiền mua sách, tập viết, đồng phục giao động từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/học sinh cho một năm học. Đối với các khu vực ít khó khăn hay thành thị, những đóng góp này có thể không là vấn đề lớn nhưng đối với nhiều gia đình ở xã là vượt quá khả năng của họ.

Học bổng rất ít, chủ yếu dành cho học sinh giỏi; học sinh con nhà nghèo hiếm khi có được những thành tích học tập tốt để được nhận học bổng. Ở bậc trung học cơ sở, gần 0,05% học sinh được nhận học bổng. Việc miễn giảm các khoản đóng góp một phần hay toàn phần phải được thảo luận với đại diện hội cha mẹ học sinh theo đúng những qui định trong văn bản. Các hộ nghèo theo chuẩn quốc gia (có sổ hộ nghèo) có thể được nhận một khoản hỗ trợ. Các em ở những gia đình nghèo được nhận trợ cấp 150.000 đồng/năm để đi học. Ngoài ra các em còn được bảo hiểm y tế miễn phí.⁶

Để khuyến khích các em dân tộc thiểu số đi học, tỉnh đã cấp cho mỗi em dân tộc học mẫu giáo 15.000 đồng/tháng, các em tiểu học 45.000 đồng/tháng, và 120.000 đồng/tháng cho học sinh trung học cơ sở, trừ những tháng nghỉ hè. Tiền này dùng để trả học phí và do nhà trường phát cho phụ huynh. Khi cha mẹ không đóng tiền, nhà trường khấu trừ vào khoản tiền này các khoản phải đóng. Theo nhận xét của các hiệu trưởng, chính sách hỗ trợ này của tỉnh đã góp phần tích cực trong việc giảm tỷ lệ học sinh dân tộc bỏ học. Khoản hỗ trợ này cộng thêm các hỗ trợ khác từ chương trình 135 như phát gạo cho gia đình dân tộc thiểu số đã làm một số hộ người Kinh nghèo không nhận được bất cứ sự hỗ

6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 143/2001/QĐ-TTG.

trợ nào không đồng tình. Những hộ này thường là những hộ không được công nhận là hộ nghèo, do không có hộ khẩu thường trú trong xã. Họ đặt vấn đề vì sao những hộ dân tộc thiểu số không quan tâm nhiều đến việc học của con em lại được hỗ trợ, trong lúc họ - những người rất quan tâm đến việc học của con em mình lại không được trợ giúp gì cả. Điều này đặt ra vấn đề cần nâng cao nhận thức cho mọi người dân về giáo dục cũng như cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ.

Có thể thấy, việc xóa bỏ phí xây dựng đã giảm chi phí xuống mức cha mẹ học sinh có thể chấp nhận được. Học phí đã được giảm đi một nửa ở mẫu giáo và miễn hoàn toàn ở tiểu học, giảm xuống còn 8.000 đồng/tháng ở trung học cơ sở, tuy nhiên, học phí phụ đạo đã tăng từ 30.000 đồng đến 40.000 đồng/tháng/môn ở trung học cơ sở. Các trường đã cố gắng thu được đủ các khoản học sinh phải đóng góp. Tỷ lệ thu đủ ở tiểu học là 95%, nhưng trong báo cáo năm học, nhà trường đã nhấn mạnh là kinh phí thu được vẫn quá ít vì nhiều gia đình nghèo được miễn giảm. Chính giáo viên là người thu tiền và nhắc các em phải nộp tiền. Khi được hỏi, một số học sinh đã nói với chúng tôi là đôi khi hoặc thường xuyên các em không có gì ăn. Ở trường trung học cơ sở, nếu chậm đóng tiền ba tháng, học sinh phải đứng trước toàn trường trong buổi chào cờ đầu tuần. Để con mình khỏi phải bị hình phạt này, phụ huynh thường cố gắng để đóng tiền học cho con mình, nhiều khi họ phải bán lúa dự trữ hay gà vịt, hoặc có người phải đi vay mượn để đóng. Một vài cha mẹ thì chấp nhận cho con nghỉ học để khỏi bị hình phạt này. Ở thôn Cây Xoài có 300 hộ nhưng có đến 50 hộ nghèo và 30 hộ đang nợ các khoản đóng góp với nhà trường. Khả năng không đóng được tiền càng tăng cao khi một gia đình có nhiều con cùng đi học. Điều này có thể dẫn đến việc nghỉ học, nhất là khi kết quả học tập của học sinh không tốt hoặc khi học sinh không còn thích đi học.

Điều kiện giảng dạy và học tập

Đồ dùng dạy học

Ở trường Mầm non, nhờ được chọn là một trong mười trường tham gia thử nghiệm chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2006, trường được nhận trang thiết bị cho một phòng học và một bộ đồ dùng dạy học tuy những trang thiết bị này được nhận khá muộn, vào tháng 11, khi đã vào năm học vài tháng. Hiện trường còn thiếu rất nhiều trang thiết bị phục vụ học tập như đài, tivi phục vụ giảng dạy; tranh ảnh các

dụng cụ phục vụ cho học tập chủ yếu do giáo viên tự làm và hướng dẫn học sinh cùng làm. Dù trong khoản đóng góp mua học phẩm 51.000 đồng/ học sinh/ năm đối với học sinh ở lớp mẫu giáo nhỏ và 61.000 đồng/ học sinh/ năm đối với học sinh ở lớp mẫu giáo lớn có trích 10.000 đồng/ học sinh dành để mua đồ chơi nhưng vẫn rất thiếu đồ chơi cho các em. Hưởng ứng chỉ đạo đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo viên rất tích cực tự làm và đôi khi tổ chức để các em tham gia cùng làm đồ chơi phục vụ cho các buổi học. Nhưng các cô cho rằng những đồ chơi tự làm này chỉ sử dụng được trong thời gian ngắn vì chóng hỏng, ngay cả những đồ chơi mua cũng cần bổ xung thường xuyên vì trẻ dùng thường xuyên và cũng không biết bảo quản. Bà H., mẹ của một em lớp mẫu giáo lớn cũng đồng tình với ý kiến này: *“ví dụ như tất cả các lớp đều có dụng cụ âm nhạc, nhưng hàng năm, một phần đồ dùng sẽ bị hư”*, như vậy sẽ cần đầu tư để bổ sung, nhưng với ngân sách hiện nay, vấn đề này không dễ đáp ứng. Xã không có nguồn kinh phí đủ để trang bị thêm cho trường mẫu giáo và nếu một số phụ huynh sẵn lòng chi thêm tiền cho nhà trường, thì một số gia đình nghèo cũng không thể hưởng ứng vì không có khả năng, vì ngay ở nhà con cái họ cũng hiếm khi có đồ chơi. Các cha mẹ có học thức hơn cho rằng số đồ chơi ngoài trời không đủ để đáp ứng nhu cầu phát triển của cháu, nhưng cũng như những cha mẹ khác, họ cũng công nhận rằng trường và xã không có đủ điều kiện để trang bị thêm cho trường.

Ở tiểu học, một giáo viên giải thích: *“Nói chung thì chúng tôi có ít đồ dùng dạy học và đa phần chất lượng không bảo đảm”*. Ý kiến này được đa số giáo viên nhất trí nhất là các giáo viên trẻ, trong khi, một giáo viên đã có nhiều năm thâm niên có suy nghĩ lạc quan hơn: *“Nhìn chung, nếu so sánh, thì giáo viên ngày nay đã có quá nhiều thuận lợi hơn ngày xưa khi chúng tôi mới vào nghề. Hiện nay, nhìn chung sách tham khảo, tranh và những dụng cụ giảng dạy đều tốt hơn ngày xưa nhiều”*. Theo đánh giá tổng quan của hiệu trưởng, trường năm nào cũng thiếu đồ dùng dạy học vì thường đến cuối năm mới nhận được từ Sở hoặc Phòng; riêng lớp 5 năm nay mới thay sách thì vẫn chưa có; chất lượng của các thiết bị, đồ dùng dạy học nhiều cái không đạt. Ngoài ra nguồn tài liệu, sách tham khảo của trường không được trang bị đầy đủ, rất nghèo nàn. Trường cũng đã khuyến khích và hỗ trợ tiền để giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, tuy nhiên cũng không cải thiện được tình hình bao nhiêu vì giáo viên cũng không có nhiều thời gian đầu tư cho việc này.

Ở trung học cơ sở, tình hình cũng tương tự: đồ dùng dạy học ở đa số môn thiếu về số lượng, một số lại thừa; chất lượng và độ chính xác lại không đảm bảo một phần do chất lượng sản xuất một phần do điều kiện bảo quản thiết bị của trường không đáp ứng; không có phòng máy tính, máy nghe. Một số cha mẹ học sinh cũng đã so sánh điều kiện này với trường ở thị trấn và phàn nàn về vấn đề này không đảm bảo cho con họ được học vi tính và tiếng Anh.

Nhìn chung, qua các ý kiến thu được và qua thực tế quan sát cho thấy, cả 3 trường được nghiên cứu đều gặp khó khăn về đồ dùng, trang thiết bị dạy học. Trên thực tế cần có đủ các điều kiện hỗ trợ, được đầu tư đồng bộ thì việc thực hiện đổi mới trong giảng dạy mới thành công được, đó cũng là ý kiến của giáo viên về vấn đề này: *“Khi chương trình đổi mới hoàn toàn, đương nhiên là phải thiếu đồ dùng dạy học, vì ví dụ như một bộ đồ dùng dạy học dùng chung cho năm lớp thì không thể nào đủ được”*.

Sĩ số lớp: Trong các lớp mẫu giáo, sĩ số học sinh trung bình là 30 em, đúng qui định của ngành.⁷ Nhưng giáo viên cho rằng như thế là quá nhiều, nhất là với việc đổi mới phương pháp sư phạm và điều kiện thực tế của nhà trường là mỗi lớp chỉ có 1 giáo viên, nhất là ở các điểm phụ điều kiện vệ sinh còn hạn chế như đã nói ở trên.

Ở tiểu học, mỗi lớp trung bình có 32 học sinh, tuy nhiên sĩ số trong các lớp giao động từ 25 đến 34 em. Tỷ lệ giáo viên/học sinh là 1/30, thấp hơn con số quy định trong Luật giáo dục (mỗi lớp 35 học sinh, với mức giao động + 10%). Việc xếp lớp dựa trên cơ sở xếp lớp của trường mẫu giáo trước đây đưa lên, tức là chủ yếu phân theo địa bàn dân cư. Ví dụ như lớp 1A nhận các cháu từ điểm Vĩnh Phú. Các lớp 1B, 2B, 3B và 4B học hai buổi ngày. Lớp E nhận các cháu tự nguyện ghi danh hay các cháu không học ở trường mẫu giáo của xã. Cuối năm lớp 1, nhà trường có thể chuyển học sinh từ lớp này sang lớp kia trên nguyên tắc đảm bảo cân đối về số lượng và chất lượng học sinh để các giáo viên yên tâm giảng dạy.

7. Quyết định 27/2000/QĐ-BGD&ĐT của bộ GD-ĐT ngày 20/7/ 2000 về điều lệ trường mầm non nhấn mạnh rằng số học sinh tối đa trong một lớp phải là 30 cháu trong lớp 4 tuổi, và 35 cháu cho lớp 5 tuổi [Quyết định số 27/2000/QĐ-BGD&ĐT Ngày 20 Tháng 07 năm 2000 Về việc ban hành Điều lệ Trường mầm non].

Ở trung học cơ sở, sĩ số học sinh trong một lớp là 40 (các văn bản qui định tối đa là 45 học sinh/lớp). Ở lớp 6, học sinh được phân lớp theo kết quả học tập ở lớp 5. Lên lớp 7, có thể phân lại lớp theo hạnh kiểm và học lực.

Như vậy, có thể thấy sĩ số học sinh trong một lớp hiện nay đều đảm bảo như qui định và không phải là vấn đề khó khăn đối với giáo viên ở trường tiểu học và trung học cơ sở được khảo sát. Hàng năm, nhà trường có những xem xét và điều chỉnh học sinh giữa các lớp cho phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học.

Đào tạo và lương của giáo viên

Ở Trường Mẫu giáo Suối Tân, trong số 7 giáo viên hiện có, có 5 người đã đạt chuẩn, 2 giáo viên còn lại đang học chương trình đào tạo từ xa để đạt chuẩn. Trừ một giáo viên mới được nhận vào trường, các giáo viên khác đều được xếp loại giáo viên dạy tốt hay rất tốt. Hai giáo viên của trường đã tham gia kỳ thi giáo viên giỏi của huyện và một cô đã đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

Ở trường tiểu học Suối Tân, tất cả giáo viên đều đạt chuẩn: 18 người đã tốt nghiệp sư phạm, 8 người tốt nghiệp cao đẳng, và tất cả đều thuộc biên chế nhà nước. 11 giáo viên được xếp loại giỏi, các giáo viên khác xếp loại khá. Giáo viên được phân loại có 4 cấp: giỏi, khá, trung bình, yếu. Năm học 2005 - 2006, có một giáo viên được công nhận là giáo viên giỏi cấp huyện, và hai giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Giáo viên được nhà trường đánh giá, phòng giáo dục huyện kiểm tra và nếu được trường xếp loại giỏi, họ có thể thi để nhận danh hiệu giáo viên giỏi cấp huyện, kỳ thi này được tổ chức hai năm một lần. Kỳ thi giáo viên giỏi cấp tỉnh được Sở Giáo dục tổ chức ba năm một lần. Bộ Giáo dục tổ chức thi cấp quốc gia năm năm một lần theo đề nghị của các sở. Tuy nhiên, đại diện Ban giám hiệu của trường cũng cho biết có nhiều giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng rồi chuyển đi trường khác. Điều này ảnh hưởng tới việc ổn định và nâng cao chất lượng giáo viên.

Ở trường trung học cơ sở Phan Đình Phùng, tất cả giáo viên đều đã đạt chuẩn. Năm học 2005 - 2006, 12/33 giáo viên của trường được xếp loại giỏi và các giáo viên khác xếp loại khá. Trường có một giáo viên giỏi cấp tỉnh và sáu giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

Việc xếp loại giáo viên ở cấp trường dựa trên đánh giá giáo viên hàng năm. Ngoài ra, theo quy định chung của ngành, mỗi giáo viên ở xã được thanh tra toàn diện trung bình 3 năm/lần. Ở trường tiểu học Suối Tân, giáo viên được cán bộ phòng giáo dục huyện thanh tra trung bình hai lần/năm. Thông thường, giáo viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí: chuyên cần, tuân thủ lịch và nội dung giảng dạy, phương pháp sư phạm, sự tham gia và kết quả học tập của học sinh, bồi dưỡng nâng cao kiến thức nghiệp vụ, các hoạt động liên quan đến công tác giảng dạy, ví dụ như công tác chủ nhiệm.... Tuy nhiên, một số giáo viên không hài lòng về việc đưa tiêu chí kết quả học tập của học sinh (tỷ lệ học sinh khá và giỏi) vào đánh giá giáo viên; họ cho rằng như vậy không chính xác vì nhiều khi họ bị mất điểm thi đua vì học sinh. Việc dự giờ đánh giá giáo viên được thường xuyên chú ý: *"Tiết dạy có tổ trưởng và các thành viên trong tổ dự, qua tiết dạy đó [đánh giá] giáo viên đó có truyền đạt đúng nội dung ở trong sách giáo khoa không; thứ hai là sử dụng đúng phương pháp đặc trưng bộ môn hay không; thứ 3 là chất lượng bài làm học sinh có đạt yêu cầu hay không"*. Và việc xếp loại giờ dạy sẽ dựa trên mức độ đạt được yêu cầu ở ba nội dung trên của giáo viên. *"Nói chung, một học kỳ, bình quân mỗi người cũng được [dự giờ] 2, 3 tiết. Có nhiều người được dự giờ liên tục hơn, nhất là giáo viên mới ra trường thì [được] dự giờ liên tục"*. Ở trường tiểu học, việc dự giờ được thực hiện qua các tiết dạy ở ba môn: Toán, Tiếng Việt và một môn tự chọn trong những môn còn lại.

Trong cả ba trường, thường các giáo viên trẻ là những người có kết quả đánh giá thấp hơn, có thể do còn thiếu kinh nghiệm nghề nghiệp. Thực tế, theo báo cáo tổng kết năm học 2005 - 2006 của trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng, trình độ giáo viên của trường không đồng đều vì số giáo viên trẻ mới về trường. Hơn nữa, ở trường này, số lượng giáo viên chung là đủ nhưng lại có tình trạng thừa - thiếu giáo viên cục bộ, ví dụ như môn Lý thì thiếu giáo viên nhưng môn Sử, Giáo dục công dân... lại thừa giáo viên. Do đó, một số giáo viên phải dạy chéo môn, họ phải dạy những môn không đúng chuyên ngành được đào tạo như Âm nhạc, Thể dục. Thực tế này tất nhiên sẽ gây ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy của giáo viên dù hàng năm họ đều được dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn do Sở và Phòng tổ chức.

Qua thực tế trên có thể thấy, tình hình giáo viên của xã nhìn chung đều đáp ứng các yêu cầu về trình độ như qui định; chất lượng của giáo viên, theo đánh giá của nhà trường và qua tìm hiểu học sinh, là đảm bảo.

Tất nhiên, nhận xét này chỉ có tính tương đối do mới dựa vào các con số về xếp loại giáo viên và ý kiến của một số bên liên quan. Để có đánh giá chính xác hơn cần có những hình thức tiếp cận khác như dự giờ, thăm lớp...; nhưng nghiên cứu này chưa có điều kiện thực hiện. Nhưng qua tiếp xúc và trao đổi với giáo viên và học sinh nhận thấy hầu hết giáo viên đều yêu nghề, có ý thức với nghề nghiệp, nhất là giáo viên tiểu học, rất tâm huyết với nghề giáo, quan tâm tới học sinh. Đó cũng là một lý do khiến các học sinh được hỏi đều nói thích đi học.

Một số vấn đề liên quan tới giáo viên

Về việc đi lại: Do yêu cầu về trình độ đào tạo của giáo viên, do phương thức tuyển dụng, có rất nhiều giáo viên trung học cơ sở từ các huyện khác đến. Ngoài một số giáo viên được xã cấp đất cho xây nhà và ở tại địa phương, phần nhiều giáo viên do điều kiện gia đình không ở gần trường và lại không có chỗ nội trú nên phải đi lại nhiều, có người từ thành phố Nha Trang cách đó 20km, điều này gây mệt mỏi và tốn kém. Chi phí cho việc đi lại là không nhỏ, nhiều khi chiếm tới 40% lương cơ bản của giáo viên. Đó cũng là lý do nhiều giáo viên xin chuyển trường về gần nhà. Điều này cũng gây ảnh hưởng tới việc ổn định đội ngũ giáo viên, đảm bảo chất lượng giáo dục của trường.

Về thu nhập: Một giáo viên Trung học cơ sở có thâm niên chừng mười năm có lương cơ bản là 1,2 triệu đồng/tháng. Giáo viên có thể có thêm thu nhập từ việc dạy phụ đạo hay dạy lớp phổ cập. Trong lúc giáo viên mẫu giáo có mức lương thấp nhất, nhưng lại có vẻ bằng lòng với mức lương của mình vì cho rằng trước đây còn khó khăn hơn. Giáo viên tiểu học thì cho rằng mức lương của họ là phù hợp, nhưng không đủ, và họ phải vay ngân hàng thêm để chi trả cho những khoản bất thường, ví dụ như mua xe để đi dạy. Mức trần cho vay tùy thuộc vào mức lương, và việc hoàn vốn sẽ được khấu trừ vào lương. Giáo viên trung học cơ sở cũng cho rằng lương của họ không đủ sống. Trong khi đại diện Ban giám hiệu lại cho rằng không có vấn đề gì về thu nhập của giáo viên.

Về thời gian: Theo giáo viên trường mầm non, họ mất nhiều thời gian cho các hoạt động ngoài giảng dạy như họp tổ chuyên môn, họp chuyên môn toàn trường, sinh hoạt chuyên đề. Từ đầu năm, trường đã tổ chức chuyên đề về dạy toán, giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật, giáo dục thể chất, an toàn giao thông. Ngoài ra, trường cũng tham gia vào các hoạt động khác như ngày phòng chống ma túy.... Một giáo viên

cho rằng: “*chương trình quá nặng, có chương trình về dinh dưỡng, chương trình vệ sinh răng miệng, chương trình an toàn giao thông, chương trình giáo dục gia đình, nhiều quá, và rồi còn thêm chương trình hoạt động ngoài trời, thật nặng*”. Do vậy, quỹ thời gian của giáo viên càng eo hẹp.

Giáo viên tiểu học và ban giám hiệu đều cho rằng công việc của giáo viên quá nhiều. Do đặc điểm của bậc học, mỗi giáo viên phải soạn bài giảng cho 11 môn. Trung bình để chuẩn bị giáo án cho một tiết dạy, giáo viên cần một giờ, như vậy ngoài dạy học trên lớp, mỗi ngày giáo viên phải mất 5 giờ để soạn bài cho tiết sau. Giáo án cần phải được soạn trước một tuần; tổ trưởng chuyên môn sẽ kiểm tra và ký duyệt giáo án của giáo viên tổ mình, hiệu phó kiểm tra và ký duyệt giáo án của tổ trưởng. Một giáo viên đã nói: “*Còn về giáo án nặng vô cùng, nếu như đầu tư thời gian cho giáo án thì coi như không có thời gian để học thêm hoặc đọc thêm sách. Mà cứ đòi hỏi giáo viên phải nâng cao trình độ nâng cao tay nghề; nếu như anh không có kiến thức thì sao đổi mới phương pháp được?*”. Ngoài ra, giáo viên còn phải tham gia họp tổ chuyên môn, họp chung toàn trường trung bình 2 lần/tháng, hàng năm phải họp chung do phòng giáo dục tổ chức, và phải tham dự các khoá bồi dưỡng chuyên môn ít nhất 1 lần/năm. Giáo viên lại còn phải dạy phụ đạo cho học sinh vào ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật; dạy bù cho những ngày nghỉ lễ. Giáo viên cho rằng chương trình mới rất nặng và họ không còn thời gian để quan tâm đến từng học sinh, đến hoàn cảnh gia đình của từng em. Áp lực càng lớn hơn cho giáo viên vì chỉ dạy một buổi/ngày trong khi chương trình học được xây dựng cho hai buổi ngày, mà học sinh lại ít khi làm bài ở nhà do các em phải làm thêm giúp bố mẹ.

Ở trường trung học cơ sở, giáo viên cũng chịu áp lực tương tự về quỹ thời gian, mà nhiều nhất là dành cho việc soạn giáo án. Theo giáo viên cho biết, trung bình, họ mất hai đến ba giờ để soạn một giáo án, dù là viết tay hay đánh máy, vì còn phải đọc và tìm kiếm tài liệu do sách dành cho giáo viên chỉ cung cấp những kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản. Chính vì thế, ít có giáo viên tham gia được các khóa bồi dưỡng chuyên môn; ví dụ: trường đã tổ chức một khóa học vi tính cho giáo viên, nhưng phải dừng lại vì giáo viên không thể tham gia đầy đủ, do thiếu thời gian..

Về nguồn tài liệu: Giáo viên tiểu học, cũng như ở trường mẫu giáo cho

rằng họ không có điều kiện để tiếp cận với nhiều tài liệu tham khảo để soạn giáo án. Thư viện *“không có cái gì, không đủ, chỉ có ba cái sách của học sinh thôi chứ còn tài liệu tham khảo bên ngoài rất ít, mà có những cuốn sách mình đọc mình thấy không có gì hết trơn”*. Do đó, giáo viên tự hài lòng với sách giáo viên để phục vụ giảng dạy, vì họ không có thời gian cũng như không có cách nào để tiếp cận với những tài liệu để nâng cao kiến thức.

Ở trường trung học cơ sở, giáo viên có thể mượn ở thư viện sách giáo khoa, sách giáo viên, và những tài liệu như là sách hướng dẫn bài tập hoặc sách nâng cao để phục vụ cho việc chuẩn bị bài giảng. Theo giáo viên thì thư viện có nhiều sách, nhưng không phải lúc nào cũng có những sách đáp ứng đúng nhu cầu của họ, nhất là sách để nâng cao cho những học sinh giỏi. Họ cũng rất ít khi mua sách, vì sách đắt, nhưng nếu mua được, họ có thể trao đổi sách với nhau.

Nhìn chung giáo viên đều cho rằng họ không dễ tiếp cận được với các thông tin và tài liệu tham khảo: trường không có ti vi, không có kết nối mạng internet do đó giáo viên không xem được chương trình của VTV2 hay là tìm kiếm tài liệu trên mạng. Và các giáo viên cũng cho rằng họ không có nhiều thời gian để đọc sách.

Về điều kiện của học sinh: hầu hết giáo viên tiểu học và trung học cơ sở đánh giá là trình độ học sinh ở xã thấp, nhất là nếu so với học sinh khu vực thành thị. Một trong những lý do là do điều kiện kinh tế gia đình của các em: *“Khó khăn, đó là các học sinh yếu trong lớp tôi quá nghèo. Ví dụ như tôi dạy một bài nào đó và các em không có dụng cụ học tập, kết quả sẽ thấp và khi về nhà, cha mẹ tranh thủ để giao việc cho các em, do đó việc chuẩn bị bài của các em rất hạn chế. [...] Học sinh trong vùng này rất nghèo và thiếu đồ dùng học tập”*. Một giáo viên khác cho rằng số học sinh mà gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn *“Số lượng cũng chiếm khoảng cỡ từ 25-30% trong lớp. Điều kiện học tập của cháu khó vì kinh tế gia đình khó khăn cho nên không có điều kiện học, rồi cha mẹ vì cái điều kiện kinh tế khó nên không có thời gian để quan tâm đến con em của mình”*.

Phương pháp sư phạm và chương trình học: Theo giáo viên, phương pháp mới là hay, trẻ rất thích nhưng nội dung chương trình của mẫu giáo không phù hợp lắm với khả năng của các em. *“Chương trình tạo*

hình của lớp nhỡ, lớp bé thì đưa ra nó không có phù hợp với cái kĩ năng, ví dụ như đầu năm cháu nó chưa học đến số lượng nhưng vẫn đưa vô, vô đây là vô tạo hình là mình chuyên sâu về cái kĩ năng tạo hình nhưng mà năm nay tại em thực hiện chủ yếu là toán với môi trường chính xác hơn là tạo hình, nó không phù hợp với cái hoàn cảnh tạo hình". "Có những cái cháu chưa học đến ở cái môn đó lại bắt, cái môn khác lại bắt sử dụng. Thế là toán thì chưa học số đúng không, chưa học đếm này, nhưng ở môn khác thì đã bắt đầu sử dụng rồi".

Ở tiểu học, theo tìm hiểu được biết 21 giáo viên đang áp dụng phương pháp giảng dạy mới và tất cả đã được tập huấn về nội dung này. Các giáo viên đều nhất trí rằng phương pháp mới: *"Rất tốt cho học sinh, nhưng giáo viên thì vất vả". "Học sinh lớp 3 đã lớn, có thể dễ hơn, nhưng ở lớp 1, rất khó, lớp hai cũng vậy. Cái khó nhất là việc cho học sinh chuẩn bị bài, không có lớp nào mà học sinh tự chuẩn bị bài ở nhà".* Theo thầy hiệu trưởng, với các học sinh đã qua mẫu giáo thì không có vấn đề, nhưng theo giáo viên, học sinh vẫn gặp khó khăn. Thực tế, chương trình mới dành nhiều thời gian cho các hoạt động nhằm phát triển tính năng động và sáng tạo. Tuy nhiên, do nội dung giảng dạy quá nhiều, phân bố một số bài không hợp lý, đối tượng học sinh khác nhau, trình độ học sinh chênh lệch, giáo viên không có đủ thời gian, và thường không có đủ đồ dùng dạy học phù hợp với chương trình, ví dụ thiếu tranh ảnh minh họa bài học, nên việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy còn hạn chế. Với đối tượng học sinh ở đây, theo giáo viên cho biết một lớp chỉ có tối đa khoảng 5 học sinh giỏi trên 40 em, học sinh yếu chiếm ít nhất 10%, thì để truyền đạt hết nội dung cần dạy trong một tiết học 40 phút tới tất cả đối tượng học sinh giáo viên phải nỗ lực rất nhiều.

Nhìn chung, qua tiếp xúc với các giáo viên, có cảm nhận rằng họ phải làm việc quá vất vả, từ đầu tư soạn giáo án chuẩn bị bài giảng, tới việc giảng dạy trên lớp.

Ở bậc trung học cơ sở, giáo viên cho rằng, họ cố gắng hết sức mình để áp dụng những phương pháp sư phạm mới, nhưng cũng gặp một số khó khăn, như bố trí phòng học và trang thiết bị không thuận tiện cho việc học nhóm: *"ngồi theo thứ tự trên lớp thì học nhóm nó không có hay, không khoa học".* Giáo viên cũng cho rằng với phương pháp giảng dạy mới, học sinh tham gia vào bài học nhiều hơn trước kia, các em chủ

động hơn, nhất là ở lớp nhỏ, học sinh tự nhiên hơn, tuy nhiên, nhiều em không làm bài ở nhà. Từ lớp 8 trở lên, rất khó động viên các em tham gia vào giờ học. Theo giáo viên, *“học sinh ở đây ý thức chưa cao. Hoạt động nhóm là cả nhóm phải cùng làm việc, nhưng có nhiều đứa nó đâu có chịu làm, chỉ có một hai đứa khá thôi”*. Qua phỏng vấn cũng cho thấy nhiều học sinh lớp tám không hỏi giáo viên khi gặp khó khăn, các em không thể cũng không muốn giải thích tại sao, phần lớn các em hỏi bạn khi có gì không hiểu.

Đối với giáo viên, việc tham gia chưa phải là bằng chứng của chất lượng. Họ ghi nhận rằng, học sinh có thể trả lời những câu hỏi có trong sách giáo khoa, nhưng khi hỏi những câu hỏi tổng hợp về những kiến thức đã học, các em không trả lời được. Với thực tế trình độ học sinh như vậy, giáo viên có khuynh hướng sử dụng cùng lúc cả phương pháp mới và cũ để bảo đảm cho học sinh nắm bắt được những kiến thức tối thiểu. Họ cho rằng phương pháp sư phạm mới yêu cầu học sinh học bằng cách tự mình khám phá, với các em giỏi là rất thoải mái, nhưng với các em yếu lại rất khó khăn. Hơn nữa, nội dung một vài môn trong chương trình cũng có vấn đề, nhất là môn văn; theo giáo viên thì một số nội dung không phù hợp với kiến thức cũng như đặc điểm phát triển tâm sinh lý của các em, nhất là ở các lớp nhỏ.

Nhìn chung, việc đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy đã giúp chất lượng giáo dục được cải thiện, tuy nhiên vẫn còn rất hạn chế do các điều kiện thực tế về năng lực của giáo viên, trình độ của học sinh...

Đánh giá học sinh

Ở mẫu giáo, kết quả học tập của các em được đánh giá theo năm tiêu chí phát triển mà mục tiêu đã được xác định từ đầu năm học: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm xã hội. Theo báo cáo của trường, năm học 2005 - 2006, chất lượng giáo dục của trường rất khả quan: có 95% học sinh nhận biết, sao chép và phát âm đúng 29 chữ cái; 90% cháu thuộc và hiểu nội dung các bài thơ, ca dao, đồng dao và một số câu đố theo chủ điểm, tỷ lệ cháu được xếp loại trung bình trở lên chiếm 97% trong đó có 19,6% học sinh giỏi; kết quả phát triển các kỹ năng, thẩm mỹ cũng khá cao; tình hình dinh dưỡng, phát triển thể chất của các em đều tích cực hơn năm trước.

Ở tiểu học, trước đây, kết quả học tập ở tiểu học được dựa trên điểm trung bình của cả năm, nhưng hiện nay lại dựa vào điểm thi. Việc xét lên lớp cũng dựa vào kết quả các kỳ thi. *“Học sinh ở lại phải có tiêu chí đằng hoàng chứ không phải tự giáo viên muốn cho ở lại thì cho. Ví dụ, có 4 đợt thi, 4 đợt thi em đều không đạt hết thì em phải một là thi lại, hai là ở lại lớp, tự giáo viên chủ nhiệm quyết định là không phải. mà những đợt thi đó hoàn toàn là người khác coi chứ không phải giáo viên chủ nhiệm coi”*. Giáo viên cho rằng cách đánh giá này không chính xác, không quan tâm đến cố gắng và những kết quả các em đã đạt được trong suốt năm học. Trên thực tế, giáo viên dựa trên trình độ học sinh thực tế của lớp mình để xây dựng chỉ tiêu, trình lên trường, trường tổng hợp đặt ra chỉ tiêu chung đăng ký lên Phòng Giáo dục. Theo cách này, so với chỉ tiêu đề ra, số lưu ban của trường đã giảm đi một nửa kể từ năm 2000.

Ở trung học cơ sở, học sinh được đánh giá thông qua điểm thi học kỳ và điểm kiểm tra định kỳ, kiểm tra miệng hay kiểm tra viết và việc xếp loại được thực hiện dựa vào số điểm đạt được. Trong những năm gần đây, chủ trương giảm tỷ lệ lưu ban dường như đã dẫn đến hiện tượng một số học sinh được lên lớp trên dù không đủ trình độ, do đó, như một giáo viên đã giải thích, *“Tôi không học mà tôi cũng lên được thì tôi cần gì học?”* Giáo viên cho rằng điều này không chỉ dẫn đến hậu quả học sinh không đạt trình độ, ngồi nhầm lớp mà việc các em này được lên lớp trên cũng là điều không công bằng đối với các em có học lực trung bình, và chính giáo viên cũng thấy khó chịu về thực tế này. Từ năm nay, các trường được nhiều quyền hơn trong việc quyết định cho lên lớp và tỷ lệ lưu ban có thể sẽ lại cao. Trái với đánh giá tiêu cực của giáo viên, báo cáo tổng kết năm học nhấn mạnh rằng trong năm học 2005-2006 trường có 144 học sinh giỏi (khoảng 20,5%), trong đó 5 em được đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp huyện, 99,3% học sinh đạt loại khá về học lực và đạo đức, và *“Đa số các em có động cơ học tập đúng đắn, ham học, thích đến trường, lễ phép, ngoan”*. Nhìn chung, nếu như việc cho lên lớp đại trà đã giúp cải thiện được vấn đề sĩ số, nó lại đưa đến vấn nạn “học sinh ngồi nhầm lớp”, nghĩa là các em không có được trình độ nhất định để theo học một lớp nào đó. Vấn đề là phải làm sao để cho tất cả các học sinh có được trình độ cần thiết để các em có thể lên lớp trên.

Theo ý kiến giáo viên và hiệu trưởng, học sinh dân tộc thiểu số dường như là những em có nhiều khó khăn nhất. Ngoài việc rất ít các em đã

học qua mẫu giáo, các em còn thường sống trong những điều kiện rất khó khăn, cha mẹ các em thường trình độ thấp. Tuy nhiên, một số cha mẹ học sinh người Kinh lại có ý kiến khác. Họ cho rằng những người này đã “Kinh hoá” và họ cũng quan tâm đến việc học của con em như người Kinh. Cha mẹ học sinh hình như không cho rằng sự hiện diện của các em dân tộc trong lớp là một trở ngại cho các em khác và họ cho rằng với các hỗ trợ nhận được, nhiều em đã là học sinh giỏi. Tuy nhiên, tiến bộ của các em này cũng chỉ hạn chế trong việc từ từ giảm khoảng cách giữa hai nhóm, còn nhiều em bị lưu ban là trẻ em dân tộc thiểu số.

Duy trì sĩ số và bỏ học

Với Luật Phổ cập giáo dục tiểu học và gần đây là trung học cơ sở, nhà nước Việt Nam tái cam kết Giáo dục cho Mọi người trong khuôn khổ Hội nghị Dakar, tỷ lệ huy động ở tất cả mọi cấp học đều tăng cao. Việc theo dõi sát số trẻ mới sinh giúp nắm được số trẻ trong độ tuổi đến trường làm tăng số học sinh vào học đầu cấp, việc duy trì sĩ số đã làm giảm đáng kể số lưu ban, tăng số học sinh lên lớp trên, việc duy trì sĩ số nhằm tái huy động các em đã bỏ học vào các lớp phổ cập.

Huy động ra lớp và bỏ học

Ở mẫu giáo, tỷ lệ huy động năm học 2005 - 2006 so với chỉ tiêu đạt 102%; tỷ lệ trẻ đi mẫu giáo đạt 75% trên tổng số trẻ ở độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn. Các thông tin về số trẻ trong độ tuổi được các giáo viên và Ủy ban xã thu thập, cập nhật thường xuyên để kịp thời huy động trẻ trong độ tuổi đi học. Học phí mẫu giáo cao được cho là một nguyên nhân chính khiến bố mẹ trẻ không cho con đi học mẫu giáo.

Ở tiểu học, tỷ lệ chuyên cần đạt 98-99%, không có trường hợp bỏ học giữa giờ.

Ở trung học cơ sở, tỷ lệ bỏ học tương đối cao (Xem Phụ lục 3): năm học 2005 - 2006 có 16 em bỏ học, và tháng 3 năm 2007, đã có 8 em đã bỏ học. Những khó khăn về phía gia đình là nguyên nhân chính của hiện tượng này. Thực tế, việc bỏ học giữa chừng thường rơi vào các đối tượng thuộc diện gia đình khó khăn hay có đông con. Ví dụ như trong 9 học sinh của các lớp phổ cập tiểu học và trung học cơ sở, chỉ có ba em là con những gia đình có hai hay ba con, các em khác đều là con

của những gia đình có từ bốn đến tám người con. Tuy nhiên, dường như vấn đề giới hay thứ tự trong gia đình không có ảnh hưởng nào đến quyết định thôi học. Hình như em nào có khả năng và ước muốn được đi học, thì cha mẹ cố gắng hết sức để cho các em đi học. Và nhiều lúc, cha mẹ ép con phải đi học dù các em không muốn. Vấn đề học hành của các em tùy thuộc vào thay đổi của hoàn cảnh gia đình, và cũng tùy thuộc vào khả năng và nguyện vọng của từng em; có thể là do gia đình nghèo hay lâm vào cảnh nghèo vì có thêm một em bé, vì thiên tai dịch bệnh, vì mất việc làm, cha mẹ có thể không còn, hay không thể có khả năng tài chính, nhất là khi gia đình có nhiều em cùng đi học mà không nhận được bất cứ khoản hỗ trợ nào. Giáo viên chuyên trách phổ cập của xã phát biểu, *"trong lớp này toàn là những em rất ham học, nhưng điều kiện gia đình quá khó khăn"*. Việc giáo viên nhắc đi nhắc lại việc đóng tiền và nhất là hình phạt dành cho những em chậm nộp nhiều khoản tiền hình như đã đẩy nhanh quyết định thôi học. Tương tự như vậy, việc công bố kết quả học tập của từng em trong buổi họp cha mẹ học sinh có thể làm cho cha mẹ mất mặt và hối thúc họ cho con nghỉ học, tuy mục đích của việc công bố này là động viên cha mẹ quan tâm hơn đến sự chuyên cần và học lực của con cái. Các cha mẹ có trình độ học vấn thấp bị trình độ con cái nhanh chóng vượt qua và họ không thể giúp gì được cho con mình. Trái lại, một gia đình có thể có thu nhập tăng lên khi trong gia đình có nhiều người làm việc ăn lương, đặc biệt là khi những anh chị lớn trong nhà đã đi làm, thì sẽ có điều kiện để đóng tiền trường cho các em nhỏ. Việc học hành của các em trong cùng một gia đình có thể khác nhau, có em học lên cao, có em lại bỏ học sớm.

Duy trì sĩ số

Duy trì sĩ số là một thành phần cơ bản của chủ trương "Xã hội hoá giáo dục", thường được hiểu nhầm như là chủ trương cha mẹ phải đóng tiền cho việc giáo dục con em. Thực tế, toàn thể cộng đồng có trách nhiệm vận động cha mẹ đưa con em đến trường theo độ tuổi và trình độ của các em. Trong mỗi xã, giáo viên chuyên trách phổ cập phải quan tâm để tất cả các em trong độ tuổi đến trường ra lớp. Ở Suối Tân, cũng như trong nhiều xã, phường khác, chuyên trách phổ cập là một giáo viên tiểu học. Cán bộ này có sổ cập nhật để theo dõi tất cả trẻ em trong độ tuổi trong từng gia đình, mạng lưới phổ cập rất chặt chẽ và khó có thể để sót những em không đi học. Dường như áp lực xã hội, nhiều khi dẫn đến ép buộc đi học. Nhà trường có vai trò chủ yếu trong hoạt động này

bằng việc theo dõi chuyên cần của các em. Đây là việc làm được đánh giá là rất quan trọng để có thể can thiệp kịp thời, giảm nguy cơ bỏ học vì thường những em không đi học chuyên cần là những em dễ bỏ học. Khi có một em vắng, giáo viên chủ nhiệm liên hệ với gia đình, đến gặp trực tiếp hay bằng điện thoại, và thường là bằng một giấy báo, giao cho một học sinh gần nhà em bỏ học. Giáo viên nói rằng nhiều khi gặp được cha mẹ không phải là chuyện dễ vì họ đi làm về muộn. Nếu vắng mặt nhiều lần, cha mẹ được mời đến trường. Trong trường hợp bỏ học, cộng đồng được huy động để đến nhà động viên. Thông thường sẽ có một thành viên của hội cha mẹ học sinh, một đại diện của xã và thôn trưởng đến thăm gia đình. Nếu như việc bỏ học được xác nhận, chuyên trách phổ cập sẽ đến vận động cha mẹ ghi tên cho em ra lớp phổ cập. Học phổ cập không phải đóng học phí và học sinh còn được cấp những đồ dùng học tập cần thiết. Các đoàn thể quần chúng phân công trách nhiệm phụ trách mỗi vùng. Ở Suối Tân, Hội phụ nữ phụ trách vận động thôn Vĩnh Phú, Hội Thanh niên thôn Đồng Cau, Hội nông dân thôn Dầu Sơn, và hội Cựu chiến binh thôn Cây Xoài. Toàn bộ công việc do Ban chỉ đạo phổ cập thực hiện và điều phối, theo chỉ thị của tỉnh, của huyện và của xã. Bộ máy do xã điều hành tỏ ra hoạt động rất hiệu quả, ít nhất là về số lượng. Ở tiểu học hầu như không còn trường hợp bỏ học và tỷ lệ ra lớp hiện nay đạt gần 96%, và 99% trẻ em học xong tiểu học, học tiếp lên lớp 6. Ở trung học cơ sở, tỷ lệ bỏ học đã giảm từ 5,5 xuống còn 2,4% trong sáu năm, và số các em trong lớp phổ cập giảm từ con số 83 em trong năm 2001 - 2002 xuống còn 9 em trong năm học 2005 - 2006. Vì số lượng học sinh phổ cập tiểu học còn quá ít nên không mở được lớp. Năm học 2006 - 2007, có bốn học sinh phổ cập tiểu học, tất cả đều học lớp 5, trong đó có ba em học buổi tối tại nhà cô giáo, còn một em học cùng lớp chính quy ở trường. Các em học phổ cập trung học cơ sở học buổi tối tại trường trung học cơ sở.

Việc theo dõi sĩ số được thực hiện cả ở cả trường phổ thông lẫn lớp phổ cập, khuyến khích vắng học ở phổ cập thì cao hơn. Phần nhiều các em phải làm việc tám tiếng mỗi ngày. Các em đi học sau khi làm việc do đó thường mệt mỏi. Trong trường hợp này, giáo viên bộ môn báo cho giáo viên chủ nhiệm hay thôn trưởng.

Việc dạy học phổ cập

Việc giảng dạy trong lớp phổ cập là một nhiệm vụ xem ra nặng nề đối với một số giáo viên, trong lúc một số khác thì khá nhạy cảm với những

khó khăn của các em học sinh. Nhóm thứ nhất, có một cái nhìn rất tiêu cực về trình độ, tính hiểu học, trình độ của học sinh, trong lúc nhóm thứ hai thì vì ý thức được những khó khăn mà học sinh phải đối mặt nên có cái nhìn rất tích cực, dù họ cũng công nhận rằng trình độ học sinh nói chung là kém, tuy nhiên các em rất cố gắng học tập. Giáo viên dạy phổ cập chính là giáo viên dạy ở chương trình chính quy do ban giám hiệu quyết định. Trên nguyên tắc, nhà trường tránh giao các lớp phổ cập cho những giáo viên có khó khăn, như giáo viên ở xa. Trên thực tế, công việc giảng dạy được phân chia cho các giáo viên, vì họ phải lo dạy ở lớp của mình, lớp phụ đạo, rồi lớp phổ cập, và với giáo viên tiểu học, còn phải thêm lớp xoá mù mà hiện nay phải dạy cho đến lớp 5. Thù lao cho giáo viên được tính theo số giờ đã dạy và dựa trên bậc lương cơ bản đang được hưởng. Giáo viên nhận phụ cấp dạy phổ cập một lần, trên nguyên tắc là vào cuối năm. Ngoài tiền lương, những giáo viên ở xa còn có thêm tiền đi lại và nếu dạy vào thời gian hè thì khoản phụ cấp này được tính hệ số 1,5.

Hình thức học phổ cập tiểu học mềm dẻo hơn ở trung học cơ sở, trong số 4 em hiện đang học phổ cập, có ba em học buổi tối tại nhà cô giáo, còn một em học cùng lớp chính quy ở trường. Các em học phổ cập trung học cơ sở học buổi tối tại trường trung học cơ sở, từ 18h00 đến 20h00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Chương trình học phổ cập cũng giống như chương trình phổ thông, nhưng dường như được giáo viên làm nhẹ đi. Ở tiểu học, một giáo viên đã cho rằng *“Chương trình chính quy và chương trình phổ cập thì tương đương nhau. Tương đương 7:10. [...] nhưng mà khác nhau là ở sự tiếp thu của học sinh, hoàn toàn khác nhau”*. Một giáo viên khác giải thích: *“Cụ thể là cũng dạy một chương trình lớp 5 đó nhưng giảng trên lớp, đối tượng bình thường nhất của chị, tiếp thu trong vòng 5 phút thì đối với các em phổ cập phải khoảng 10-15 phút, 20 phút em mới hiểu được một vấn đề, một nội dung đó, nên thời gian dành cho các em nhiều hơn”*. Một giáo viên khác cho rằng học sinh phổ cập nắm bắt không quá 40% chương trình. Ở trung học cơ sở học sinh chỉ học bảy môn thay vì mười môn như chính quy, các em không học Thể dục, Vẽ và Anh văn.

Theo các giáo viên, học sinh phổ cập có thể hiểu được những điều cơ bản nhất. Học sinh cũng cho rằng, khi bài khó thêm một chút, thì các em không hiểu gì cả. Giáo viên soạn giáo án dựa trên giáo án dành

cho các em phổ thông - không có sách giáo khoa riêng cho phổ cập và giáo viên cố gắng điều chỉnh cho phù hợp với trình độ học sinh, và và họ xem tốt nhất là căn cứ vào trình độ trung bình của của các lớp phổ thông. Trong mǎng này, không có đổi mới chương trình và giáo viên tiếp tục sử dụng sách giáo khoa cũ. Như vậy các bài giảng thường rất lý thuyết.

Vấn đề về trình độ của học sinh phổ cập được giải thích là do điều kiện học tập của các em khó khăn, hơn nữa thời gian học trên lớp hạn chế. Hầu hết các em tối đi học nhưng ban ngày đều phải lao động kiếm sống. Ở tiểu học, các em nhỏ thường chăn bò, và có thể kiếm chút thu nhập, các em lớn hơn đi tưới cây, phụ hồ hay làm việc ở nhà máy trong khu công nghiệp. Theo luật định, tuổi tối thiểu để lao động là 15 tuổi, học nghề, nhưng theo giáo viên và cán bộ lãnh đạo tại địa phương, có nhiều em mượn khai sinh của bạn bè lớn tuổi hơn để đi làm. Chính vì phải đi làm ban ngày và tối về, ăn cơm xong là phải đi học liền, nên hầu hết học sinh không học bài được vì mệt và không có đủ quyết tâm để học. Chỉ có một số em học bài vào ban ngày, khi có chút thời gian rảnh rỗi.

Theo giáo viên, những em bị cha mẹ ép đi học nhưng không thích học là các em khó vận động nhất, gây nhiều khó khăn nhất. Đó thường lớn tuổi hơn các em khác và thiếu cố gắng trong học tập.

Một giáo viên cho biết *“Có gia đình khó khăn thì con em phải đi làm. Máy em đó nghỉ thì buổi sau không hiểu, mình phải dừng lại giảng cho máy em”*. Khi bắt buộc phải nghỉ học, học sinh thường báo cho giáo viên và xin phép nghỉ, nhưng nhiều khi cha mẹ cũng không biết các em đi đâu. Cũng như trong các lớp phổ thông, chuyên cần là một tiêu chí đánh giá học sinh và giáo viên.

Đánh giá lớp phổ cập

Việc đánh giá học sinh cũng tương tự như ở chương trình chính quy phổ thông, thực hiện đánh giá học sinh qua kiểm tra viết, kiểm tra miệng, và kiểm tra học kỳ, theo lịch đã định sẵn theo chương trình học: *“Mỗi buổi đều có kiểm tra miệng lúc đầu giờ. Có cả sổ đầu bài”*. Các kỳ thi học kỳ được tổ chức ở trường, kể cả các học sinh học ở nhà riêng giáo viên, tuy nhiên việc cho điểm đánh giá được ưu ái hơn nhằm động viên

khuyến khích các em đi học. Về vấn đề văn bằng, thi lên trung học phổ thông hay đại học, các em đều thi chung như nhau. Trên thực tế, bằng cấp cho học sinh phổ cập không có giá trị như bằng cấp cho học sinh phổ thông, nhưng như cán bộ chuyên trách phổ cập xã giải thích, điều này không có ảnh hưởng lắm vì các công việc làm tại địa phương không đòi hỏi trình độ chuyên môn cao và tất cả những gì nhà tuyển dụng yêu cầu là có cái bằng.

Chất lượng là vấn đề cần xem xét bởi kết quả giáo dục phổ cập thuộc trách nhiệm của ngành giáo dục, nhưng một phần thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, sự phân công giữa cơ sở giáo dục và chính quyền không đồng bộ. Đôi khi cơ sở giáo dục chịu áp lực về chỉ tiêu của chính quyền địa phương, mà chỉ tiêu giáo dục lại ảnh hưởng tới tiêu chí thi đua của địa phương. Do đó, đối với một số đối tượng phổ cập giáo dục phải nường nhẹ để đạt được chỉ tiêu, phát triển phong trào: *“Khi dạy mình thấy nó không hiểu cho bài dễ nhưng đánh giá vẫn như bình thường chứ”* (giáo viên phổ cập) *“Nói chung để cho các em tiếp thu tốt hơn thì trong quá trình dạy mình động viên các em. Không bao giờ chê các em là học thế này học thế kia. Có lúc các em làm bài chưa được thì các cô cũng nói nhưng nói kiểu khác. Nói chung là khi các em chưa hiểu thì mình nói nhưng không nói cái gì để các em nó mặc cảm cái vấn đề nó học. Cái thứ hai là trong quá trình cho điểm thì cũng cái bài đó thì mình cho trung bình thôi nhưng đối với các em thì mình cho cao hơn khá để động viên các em”*. Hay như một giáo viên cho biết: *“mức độ đòi hỏi thì không có, nên các điểm giỏi của em đó (phổ cập) chỉ tương đương với trung bình hoặc trung bình khá của các em kia (các em học chính quy ban ngày)”*. Điều này ảnh hưởng tới tính chính xác của tỷ lệ tốt nghiệp thực tế ở các cấp học của chương trình Phổ cập giáo dục - một trong những chỉ tiêu phản ánh chất lượng giáo dục phổ cập.

Nhìn chung, người ta có thể cho rằng, trên cơ sở đang hoàn thiện bậc học tiểu học, tình trạng hiện nay chỉ là tạm thời và các lớp học này sẽ dần dần biến mất khi điều kiện học tập được cải thiện.

Cha mẹ và nhà trường

Ban đại diện cha mẹ học sinh có một vai trò rõ ràng. Đó là tham gia giám sát một số hoạt động của nhà trường và huy động sự tham gia

của các cha mẹ khác. Quan hệ giữa cha mẹ và nhà trường khá phức tạp, tùy thuộc nhiều vào trình độ nhận thức cũng như học vấn, mức sống và nơi cư trú của cha mẹ. Nhìn chung, chiến lược của cha mẹ trong việc cho con đi học phụ thuộc vào đánh giá của họ về nhà trường và tầm quan trọng của giáo dục.

Ban đại diện cha mẹ học sinh và giáo dục

Hàng năm, ngày chủ nhật đầu tiên sau khai giảng được dành để tổ chức buổi họp toàn thể cha mẹ học sinh và trong cuộc họp đó sẽ bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp và của cả trường.

Không có văn bản nào qui định cụ thể về thành phần và nội qui hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh, và điều này làm cho việc áp dụng luật chưa rõ ràng. Trong nội quy trường trung học cơ sở, điều 44, qui định ban đại diện cha mẹ học sinh ở mỗi lớp có từ ba đến năm người do cha mẹ bầu lên. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường có từ 5 đến 9 thành viên, trong đó có một trưởng ban do ban đại diện các lớp bầu lên.⁸ Thực tế, ông phó trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng, cũng là thôn trưởng thôn Cây Xoài giải thích rằng ban đại diện có 13 người. Trong cả ba trường, ban đại diện cha mẹ học sinh có một đại diện của UBND xã, thường là phó chủ tịch phụ trách văn xã, hiệu trưởng và bốn ông thôn trưởng để có thể giải quyết được các khó khăn. Theo đó, ông đại diện cho UBND xã là thành viên chủ yếu giải quyết những vấn đề liên quan đến điều kiện giảng dạy, ông hiệu trưởng là thành viên thường trực và luôn luôn nắm bắt những vấn đề liên quan đến nhà trường, các ông thôn trưởng là những người biết rõ hoàn cảnh của các gia đình và động viên các đoàn thể xã hội tham gia can thiệp khi có trường hợp có khó khăn trong học tập hay bỏ học. Ở trung học cơ sở, có 6 thành viên của Ủy ban Nhân dân xã trong ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện chỉ định ra một bộ phận thường trực gồm ba người trong đó phó ban là hiệu trưởng và trưởng ban do Ủy ban Nhân dân xã bầu.

Đại hội cha mẹ học sinh đầu năm học có mời tất cả các phụ huynh để bầu các ban đại diện cha mẹ học sinh, và để thông qua các khoản cha

8. "Mỗi lớp có một Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm từ 3 đến 5 thành viên, trong đó có một trưởng ban, do cha mẹ, người giám hộ học sinh cử ra [...] Mỗi trường có một Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm từ 5 đến 9 thành viên, trong đó có 1 trưởng ban, do các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp cử ra [...]" Điều 44, Điều lệ trường trung học (Ban hành kèm theo Quyết định số : 23/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

mẹ phải đóng cho nhà trường. Ngoài hội nghị toàn thể vào đầu năm, ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp còn họp với giáo viên và ban giám hiệu vào cuối học kỳ một và cuối năm. Vào cuối năm, cha mẹ lại được triệu tập để nghe công bố kết quả học tập, về đạo đức của học sinh và việc lên lớp. Thường thì cha mẹ tham gia đầy đủ các buổi họp, trừ một số cha mẹ có con em có vấn đề về học tập hay đạo đức (kể cả chuyên cần), do đó họ không muốn đến để nghe phê bình trước mặt mọi người. Các ban đại diện họp hàng tháng để đánh giá tình hình.

Các ban đại diện cha mẹ học sinh, do cơ cấu tổ chức cũng như do phương thức hoạt động rất phù hợp để động viên toàn thể cộng đồng và những người bảo hộ để giải quyết những vấn đề mà các trường phải đối mặt. Các ban đại diện chủ yếu được xem như những ban điều hành của các trường. Do đó, ngoài việc vận động cho các trường, họ có vai trò quan trọng trong việc theo dõi việc tuân thủ pháp luật của các trường như việc thu học phí cũng như việc thu các khoản cha mẹ phải đóng góp. Chính ban đại diện tham gia quyết định miễn giảm một phần hay toàn phần trên cơ sở các văn bản của nhà nước (dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật, v.v...), và việc xác minh tình hình hộ nghèo thông qua những thông tin do các thôn trưởng cung cấp. Việc này mang lại quyền hành cho các thôn trưởng, việc xác định hộ giàu nghèo của các thôn trưởng nhiều khi không đồng nhất với nhận định của cha mẹ học sinh, nhất là các hộ có con em phải bỏ học vì không có tiền đóng tiền trường.

Nhìn chung, có thể thấy, can thiệp của chính quyền vào việc lựa chọn thành phần ban đại diện cha mẹ học sinh là rất lớn. Đây như là một bộ phận chủ chốt của bộ máy của xã tham gia vào công tác giáo dục trong đó có huy động học sinh vào lớp phổ cập. Như thế, vai trò của nó vượt quá chức năng đại diện cha mẹ học sinh để vận động cha mẹ. Ở đây, ban đại diện có vai trò thông tin và tuyên truyền cho cha mẹ học sinh; họ vừa giải thích cho cha mẹ tầm quan trọng của giáo dục, đồng thời vừa lưu ý về tầm quan trọng của việc đóng góp cho các hoạt động của nhà trường. Như vậy, đó là chiếc cầu nối giữa nhà trường với cha mẹ, và họ cho rằng đó là nhiệm vụ của mình. Họ giải thích, nhiều khi phải đến gặp ban giám hiệu khi cha mẹ yêu cầu để xác minh xem nhà trường có vượt quá những gì luật cho phép. Tóm lại, chức năng chủ yếu của các ban đại diện cha mẹ là để bảo vệ quyền lợi của tập thể: cha mẹ không được gây cản trở cho những thành tích của nhà trường vì

không đóng tiền và hơn nữa không ảnh hưởng đến kết quả chung của trường (kết quả học tập cũng như đạo đức) vì không kiểm soát được con cái và vì thiếu quan tâm đến giáo dục; về phần nhà trường, nhà trường phải áp dụng chặt chẽ các qui định pháp luật hiện hành.

Nhận thức và hành vi của cha mẹ đối với giáo dục

Suối Tân, cũng tương tự như các xã nông thôn khác, khu công nghiệp đã mang lại công ăn việc làm cho những người dân nhập cư từ các tỉnh khác đến và cả một phần nhân dân trong xã.

Theo đại diện cha mẹ học sinh, những công nhân ăn lương trong khu công nghiệp theo dõi sát con em mình và phản ứng ngay nếu nhà trường thông báo là con em họ có vấn đề, trong lúc đó, với các hộ thuần nông, vấn đề xem ra khó khăn hơn nhiều. Giáo viên, ban giám hiệu, đại diện của xã đều cho rằng những đối tượng cha mẹ này ít hay không quan tâm đến việc học của các em vì họ phải lao động kiếm sống. “[...] bố mẹ đi làm cả, mọi việc học của con đều giao cho tụi em cả. Tụi em phải tự bươn chải, tự chèo chống để đưa các em học thôi, chứ còn các em học yếu, học sinh cá biệt tụi em gặp phụ huynh thì phụ huynh chỉ cười hoặc nói là cô giúp giùm”. Một giáo viên còn nói thêm “có những phụ huynh chẳng phải người ta khó khăn đâu nhưng người ta lao vào đi làm kinh tế không có quan tâm đến con em mình nữa”. “Nói chung thì giờ cha mẹ lo làm ăn, lo kinh tế, mà con cái thì cứ nói cho đi học internet là tốt, đi học vi tính là tốt, thế nhưng mà không hiểu đi ra ngoài đó nó làm gì cha mẹ đâu quản lý, ra ngoài đó là tha hồ nó chơi, mà nó chơi là nó ảnh hưởng”. Theo các giáo viên, môi trường xã hội đang làm cho các em lớn trước tuổi. Họ cho rằng, học sinh tiểu học còn sợ giáo viên, nhưng lên trung học, các em xem như mình đã là người lớn, và trong nhiều trường hợp do cha mẹ không có nhà hay quá mệt mỏi không quan tâm nhiều tới các em được, một số em rất hiếu động, nói chuyện trong lớp và nhiều khi không tôn trọng giáo viên. Theo họ, cha mẹ không kiểm soát việc học của con mà yên tâm gửi con đi học thêm hoặc gửi con ra thị trấn học, nếu họ có tiền. Đối với việc học của con em, họ “trăm sự nhờ cô”. Có giáo viên nói rằng “phụ huynh tôi là biểu cứ đánh đi, cứ đánh đi, đánh cho chảy máu cũng được, đánh cho què chân què tay cũng được, mà đâu có làm thế được. Mà phụ huynh hay đánh học trò quá nên nó lì, nó lì đòn rồi”. Thật ra, cũng có một số cha mẹ hoàn toàn ý thức về điều này và lo cho con cái.

Vì thế, vẫn có những phụ huynh học sinh tiểu học sẵn sàng trả tiền học buổi thứ hai cho con và cha mẹ học sinh trung học cơ sở thì trả tiền các lớp phụ đạo, để chắc chắn rằng, con họ nhất là con trai, được học thêm kiến thức hơn là la cà ngoài đường. Do đó, nếu như các lớp phụ đạo là bắt buộc đối với học sinh yếu, một số học sinh có kết quả học không phải là yếu cũng theo học các lớp này. Các cha mẹ không nhất trí với nhau về vấn đề này, một ông bố đã học đại học, của một em học sinh tiểu học nói: *"Theo tôi là thế này, tốt nhất là nên dạy ở trường thật tốt cho học sinh. Giáo viên dạy thật tốt, chất lượng thật tốt trong giờ dạy của mình và thời gian còn lại các cháu tự học, gia đình kèm cặp các cháu, còn không nên học thêm, dạy thêm nếu có tổ chức thì tổ chức như tôi nói thôi giai đoạn thi học kỳ cuối khoá"*. Nhưng có cha mẹ nói rằng, từ lớp 1, phải cho học thêm vì cha mẹ không thể kèm cho các em cách hữu hiệu được. Họ đặc biệt nhấn mạnh đến giọng đọc địa phương của các em, và các em vấp nhiều lỗi chính tả: *"Mình kèm cho nó thôi chứ nói chung thì cũng thiếu chính xác, phát âm thì cũng không chính xác bằng thầy cô nên dạy nó nhiều lúc nó cũng cãi lại"*. *"Như tiếng trong này kêu ước ượt nó viết là ước, viết chữ c đằng sau còn đúng thật ra là chữ t đằng sau, rất nhiều từ nó sai"*. Vấn đề này lại càng trầm trọng hơn khi trình độ học vấn của cha mẹ thấp. Ở trung học cơ sở, cha mẹ cho rằng mình không kiểm soát được bài làm của con vì chương trình hiện nay khác với lúc họ đi học rất nhiều. Trong những cuộc phỏng vấn cha mẹ học sinh, chỉ có những người có trình độ học vấn cao mới nói rằng cần thiết phải quan tâm đến việc làm bài tập và học bài của trẻ. Các cha mẹ đều nhất trí là con họ phải có một đời sống khá hơn họ và như vậy họ cũng mong muốn cho con học đến một lớp nào đó bởi vì các công việc tại địa phương đa phần chỉ giới hạn ở những công việc không đòi hỏi chuyên môn cao, và thường chỉ yêu cầu trình độ lớp 9. Mục tiêu của cha mẹ là, nếu được, cho các em học đến hết trung học cơ sở.

Để giáo dục học sinh đạt kết quả tốt cần kết hợp cả gia đình và nhà trường. Một giáo viên cũng chia sẻ ý kiến này: *"muốn học sinh nó học giỏi thì thứ nhất là ý thức của học sinh, bên cạnh ý thức của học sinh thì phụ huynh học sinh phải có ý thức nữa. Phụ huynh học sinh quan tâm đến con em mình giúp đỡ con em mình thì học sinh mới học tiến bộ"*. Cha mẹ các em thì xác nhận là các em tiến bộ hơn khi họ quan tâm đến các em, nhưng họ không có nhiều thời gian cũng như năng lực và khả năng.

Một vài cha mẹ muốn con mình bỏ học để đi làm, nhưng trong nhiều trường hợp khác, phụ huynh mong muốn con tiếp tục học do nhận thức rằng học hết trung học cơ sở, các em sẽ có khả năng có một công việc và một đồng lương cao hơn.

Nếu về phía nhà trường, hiệu trưởng và giáo viên cho rằng, trong xã nông thôn nghèo, cha mẹ không quan tâm đến con cái và trình độ các em thấp, ảnh hưởng tiêu cực lên chất lượng giáo dục thì nhiều cha mẹ lại nói rằng họ sẽ cho con họ lên phố học (nghĩa là lên thị trấn Diên Khánh) nếu họ có điều kiện. Một số khác lại thích con học ở gần nhà cho dù mọi người đều nhất trí là chất lượng giáo dục trong một trường nông thôn, như Suối Tân không thể so sánh được với những trường ở thành phố. Sự so sánh với các trường thành phố được lặp đi lặp lại nhiều lần và kèm theo một chút cam chịu: vùng nghèo, thu nhập thấp, trường nghèo không đủ sức giữ những giáo viên giỏi, cha mẹ nghèo, không có điều kiện thời gian cũng như tiền bạc cho con học tập tốt.

Xét trên điều kiện của địa phương, mọi người đều đánh giá chất lượng giáo dục ở xã là tốt. Tuy nhiên, đối với một số cha mẹ, nhất là những người từ miền Bắc vào, cho rằng chất lượng trường ở đây kém hơn so với các trường nông thôn miền Bắc. Một số còn cho rằng, chất lượng giáo viên chưa đạt và một giáo viên đạt chuẩn cũng không phải là một giáo viên giỏi. Kết quả thi tuyển vào trung học phổ thông làm cho chúng ta phải đặt lại vấn đề chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở. Hình như một số phụ huynh không hài lòng lắm với kết quả thi vào trung học phổ thông và các vị có thẩm quyền ở xã xem ra bối rối trước thực tế này.

Khi quyết định gửi con đi học một trường nào đó, chất lượng giáo dục không phải là yếu tố quyết định và duy nhất. Trường mẫu giáo Sao Mai có nhiều học sinh vì ở đó có bán trú, đón cháu sớm hơn trường dân lập và giữ cháu muộn hơn. Bán trú và khả năng tiếp nhận của trường cũng là một mối quan tâm của cha mẹ các em học sinh tiểu học và trung học cơ sở. Cha mẹ mong muốn con mình được học hai buổi ngày, nhưng việc dạy 2 buổi/ngày chỉ có ở tiểu học, và mỗi khối lớp, chỉ có một lớp được học hai buổi ngày. Một bà mẹ nông dân giải thích: *"Ở nông thôn này học hai buổi thì nhiều nhà không có điều kiện đưa con đi học, nếu có nội trú thì cũng không có điều kiện đóng tiền đóng góp"*. Một động cơ khác của việc chọn trường là gần nhà ông bà hay một người bà con

nào đó trong gia đình để có ai đó trông coi cháu lúc cha mẹ cháu đang bận công việc hay đi công tác xa, hay là các em có thể giúp đỡ họ được. Rất ít cha mẹ gửi con lên thị trấn học mẫu giáo, tiểu học hay trung học cơ sở vì xa và chi phí cao. Như vậy, nguyên nhân học trái tuyến khá đa dạng và chất lượng giáo dục không phải là động cơ chính. Nếu có ai đó gửi con đi học trường khác, thì một số cha mẹ các xã lân cận lại gửi con đến học ở Suối Tân. Trường trung học cơ sở có ba em học trái tuyến, các em muốn học tại đây vì ở đây có học tiếng Anh.

Về chất lượng các trường, đa số phụ huynh học sinh dựa trên số lượng và chất lượng cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị, đồ dùng giảng dạy, chất lượng giáo viên và kết quả học tập để đưa ra các bình luận, đánh giá về trường con mình theo học. Họ so sánh với những trường họ biết hay nghe nói, và chú ý đến những gì giúp cho họ so sánh được giữa trường này với trường khác. Do đó họ rất quan tâm đến các cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, đến các kỳ thi của học sinh, đến kết quả thi tuyển vào trung học phổ thông để đánh giá về chất lượng các giáo viên và các trường. Họ cũng so sánh trình độ nhận thức của con họ với các em khác trong thôn xóm hay các em học trường khác. Nhưng dù đánh giá thế nào, đa số đều cho rằng họ chỉ có khả năng cho con học ở các trường trong xã, và họ hài lòng về chất lượng các trường ở đây vì ý thức được những hạn chế của chính mình trong việc kèm cặp, hỗ trợ con em mình trong việc học, và trả thêm chi phí cho giáo dục có chất lượng hơn. Nói chung, đa số phụ huynh hài lòng với những gì con họ đang được hưởng, nhưng đồng thời cũng yêu cầu trường học cần nâng cao chất lượng giáo dục hơn nữa. Phụ huynh các gia đình khá giả gửi con đi học nơi khác, trong khi các cha mẹ có trình độ nhận thức cao rất phàn nàn về chất lượng hiện nay.

Kết luận và kiến nghị

Như đã ghi trong các báo cáo chính thức (báo cáo của các trường, của ban chỉ đạo phổ cập giáo dục của Ủy ban Nhân dân xã, .v.v...), trong những năm qua, giáo dục tại địa phương còn gặp nhiều vấn đề dù đã thu được một số thành quả nhất định trong việc tăng số trẻ ra lớp, duy trì sĩ số và phổ cập đúng độ tuổi. Số liệu phổ cập giúp theo dõi chặt chẽ tình hình giáo dục của trẻ em trong độ tuổi đến trường và ngày càng hạn chế việc các em bị giáo dục "bỏ sót". Điều này cũng có thể hiểu áp lực xã hội tới các học sinh kém cũng ngày càng lớn.

Sự liên kết giữa nhà trường, cộng đồng và chính quyền trong công tác này khá chính quy, nhưng dường như có sự căng thẳng giữa một số cha mẹ học sinh và giáo viên, đặc biệt về chi phí học. Trong hai năm trở lại đây, ở một mức độ nào đó, một số cải cách trong giáo dục đã giúp lấy lại được thiện cảm của cha mẹ học sinh đối với hệ thống giáo dục, đặc biệt là chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 8 tháng 9 năm 2006 về *Chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục*,⁹ và *Quyết định của Bộ Trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo Qui định về việc dạy thêm, học thêm*,¹⁰ và điều 105 Luật Giáo dục quy định “*Ngoài học phí và lệ phí tuyển sinh, người học hoặc gia đình người học không phải đóng góp khoản tiền nào khác*”. Quy định này đồng nghĩa với việc bỏ thu lệ phí xây dựng trường, - một khoản chi phí lớn trong kinh phí của gia đình dành cho việc học hành của con em. Nếu như quyết định này được các gia đình hoan nghênh thì quy định về các lớp dạy thêm học thêm không nhận được sự đồng thuận, nhất là khi các trường chưa thể tổ chức học hai buổi ngày. Về phía nhà trường, các hiệu trưởng dường như đều tiếc nuối vì phải bỏ thu phí xây dựng. Thực tế, khoản thu này đã cho phép nhà trường giữ lại một phần để sử dụng cho các chi tiêu của mình và dễ dàng thực hiện duy tu bảo dưỡng trường lớp. Nguồn thu này mất nhưng kinh phí hoạt động cho trường cũng không được tăng lên để bù trừ. Đối với chính sách bỏ dạy thêm học thêm, giáo viên không nói họ tiếc nuối việc bỏ các buổi dạy thêm, nhưng cũng có thể nghĩ rằng về mặt thu nhập họ chẳng có lý do gì để hài lòng khi học phí lớp phụ đạo không cao. Về mặt tổng thể, có thể nói khoản tiền mà cha mẹ thu lại được là số tiền mà nhà trường và giáo viên bị thất thu vì Nhà nước và chính quyền địa phương không có điều kiện để bù đắp lại cho họ khoản kinh phí này. Trường ít được ưu đãi nhất của xã vẫn là trường mẫu giáo dân lập, bởi vì việc cấp kinh phí cho trường cũng như lương giáo viên tùy thuộc vào các khoản thu từ cha mẹ và địa phương, mà những nguồn thu này thường bị hạn chế.

Nhìn chung, quyết định của các cấp chính quyền Việt Nam phù hợp với những cam kết của Nhà nước trong khuôn khổ chương trình “Giáo dục cho mọi người” theo hướng tạo điều kiện cho mọi người được tiếp cận giáo dục.

Với chủ trương tăng cường huy động học sinh vào các lớp đầu cấp, duy trì sĩ số, giảng dạy và phụ đạo học sinh yếu, việc huy động học sinh ở các cấp học đều tăng cao, tỉ lệ lưu ban và tỉ lệ bỏ học giảm đáng kể,

9. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ Số 33/2006/CT-TTg Ngày 08 Tháng 09 năm.

10. Quyết định 03/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 31-01-2007.

số học sinh chuyển cấp và chuyển lên lớp cao hơn ngày càng tăng. Công tác theo dõi việc tăng dân số ở địa phương được đặc biệt chú ý, giúp quản lý số lượng trẻ trong độ tuổi đến trường, từ lúc các em còn nhỏ và làm tăng số nhập học đầu cấp; chủ trương duy trì sĩ số giúp tái huy động các em đã bỏ học vào các lớp phổ cập.

Giáo dục phổ cập đang tồn tại song song với hệ thống giáo dục chính quy là một phương cách hữu hiệu để đón nhận những học sinh không có điều kiện học chính quy trong đó có học sinh bỏ học, giúp đảm bảo khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi học sinh. Tuy nhiên, có thể nói, trên cơ sở đang hoàn thiện bậc học tiểu học, tình trạng hiện nay chỉ là tạm thời và các lớp học phổ cập này sẽ dần dần biến mất khi điều kiện học tập chính quy được cải thiện. Ngay từ bây giờ, cần có các giải pháp tích cực hơn để giải quyết tình trạng học sinh bỏ học mà vẫn đảm bảo cho các em có được trình độ cần thiết để lên lớp trên. Các hệ thống hỗ trợ và miễn giảm hiện nay của địa phương chưa đáp ứng được những học sinh nghèo. Vấn đề là nếu càng miễn giảm nhiều, nguồn kinh phí cho trường sẽ giảm. Tuy nhiên, trong bất cứ trường hợp nào cũng không nên để trẻ bị loại bỏ khỏi trường học vì những nguyên nhân kinh tế.

Để giảm tỷ lệ bỏ học một cách bền vững có thể thực hiện các giải pháp sau

Trợ giúp về tài chính kịp thời đối với những học sinh đang học chính quy có hoàn cảnh kinh tế khó khăn thì ngay khi các em có nguy cơ bỏ học, nên dùng một phần kinh phí dành cho các lớp phổ cập để trợ giúp. Bởi nếu số học sinh bỏ học trong trường phổ thông được hạn chế thì số lượng học sinh học phổ cập sẽ giảm, kinh phí chi cho việc phổ cập giáo dục sẽ giảm. Thực tế, khoản tiền chi phí cho chương trình phổ cập giáo dục là khá lớn. Trong thời gian từ năm 2002 đến 2006, số tiền chi cho các lớp phổ cập trung học cơ sở ở xã Suối Tân là 107.517.180 đồng, trong đó 80,7% dành chi lương cho giáo viên, 8,9% cho điều hành, 8,2% cho học sinh (hỗ trợ và mua dụng cụ), và 2,1% cho bảo vệ. Để thực hiện được giải pháp này ngay không đơn giản, bởi ngân sách chi cho chương trình phổ cập giáo dục do xã quản lý chứ không phải trường quản lý. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng kinh phí này cần có một cơ chế được thống nhất ở cấp chính quyền chứ không phải ở trường học. Trong trường hợp này, một phần kinh phí phổ cập giáo dục có thể được chuyển qua tài khoản của trường để hỗ trợ học sinh và nhà trường có thể giữ lại phí điều hành.

Có hình thức trợ giúp trong học tập cho những học sinh học yếu hơn. Ví dụ tổ chức phụ đạo riêng cho học sinh yếu, thay vì tổ chức dạy phụ đạo gần như đồng loạt cho tất cả các học sinh như hiện nay đang áp dụng ở các nhà trường.

Ngoài ra, cũng cần quan tâm và có những can thiệp phù hợp, kịp thời đối với những trường hợp có nguy cơ bỏ học do các nguyên nhân khác như cha mẹ ly hôn, bệnh tật...

Nhìn chung, việc phát hiện và can thiệp sớm để ngăn chặn tình trạng bỏ học ở chương trình chính quy là cần thiết. Để thực hiện được cần nhà trường và cộng đồng có liên lạc và phối hợp chặt chẽ hơn nữa và cần phải xem xét lại cách hỗ trợ con em gia đình khó khăn và cách cấp kinh phí đặc biệt cho giáo dục phổ cập.

Đối với những lớp học phổ cập, để tránh tình trạng bỏ học nhiều như hiện nay, các giáo viên phải tâm huyết, kiên trì và cố gắng hơn nhiều so với giảng dạy ở trường chính quy. Chính vì thế phải có các hình thức động viên, khuyến khích giáo viên dạy phổ cập thích hợp.

Một số giáo viên và phụ huynh có ý kiến đổ lỗi cho bên kia chưa quan tâm đúng mức đến học sinh. Một vài giáo viên bất bình vì thành tích của họ bị ảnh hưởng hay ảnh hưởng bởi kết quả đánh giá những học sinh, mà theo họ thường là học sinh yếu. Nếu giáo viên chỉ giới hạn vai trò của mình trong chuyên môn sư phạm thì hình như cha mẹ các em chờ đợi nhiều hơn từ giáo viên. Trong khi ngược lại, các giáo viên lại mong muốn phụ huynh học sinh cần ý thức hơn trong việc theo dõi việc học tập của con em họ. Trong vấn đề này, một trong những giải pháp có thể được là tổ chức lớp bán trú, giúp trẻ em có thể làm bài tại trường và khi cần, còn có người trông coi. Đó có thể là giáo viên, tình nguyện viên của xã. Dĩ nhiên, cách làm như thế chỉ có thể tổ chức ở những trường mà phòng học không được sử dụng cho việc dạy ba ca, nghĩa là khi trường trung học cơ sở đã chuyển đi. Cách làm này cũng có thể thực hiện trên quy mô toàn xã hay từng thôn, tranh thủ cơ sở của địa phương và nguồn nhân lực của xã. Chính quyền địa phương cần dự kiến nhiều phương án khả thi. Bên cạnh đó, việc tổ chức học hai buổi ngày sẽ cho phép giáo viên dành nhiều thời gian hơn cho học sinh. Tuy nhiên học phí cho buổi thứ hai còn cao và trước mắt, những gia đình nghèo chưa kham nổi chi phí này, nên khó có thể nói đến học bán trú.

Hệ thống hỗ trợ và miễn giảm hình như chưa đáp ứng được với những điều kiện cụ thể tại địa phương. Dĩ nhiên, vấn đề là nếu càng miễn giảm nhiều, nguồn kinh phí cho trường sẽ giảm. Nhà trường thì muốn hạn chế các miễn giảm. Cha mẹ các học sinh có con đã bỏ học và những người có con đang đi học cũng phàn nàn về cách đánh giá mức độ nghèo, và vấn đề không được miễn giảm khi có nhiều con cùng đi học. Một trong những nguyên nhân không được miễn giảm vì có nhiều con đi học là do chính sách kế hoạch hoá gia đình muốn hạn chế sinh con thứ ba. Tuy nhiên, dù sao cũng phải đưa trẻ ra lớp và các cha mẹ này gặp rất nhiều khó khăn. Nhằm mục đích hạn chế bỏ học và không loại bỏ trẻ vì những nguyên nhân kinh tế, hình như quy định thu học phí và miễn giảm như hiện nay chưa phải là hiệu quả nhất, nhưng cũng nên lưu ý là việc giới hạn các khoản thu có thể nâng cao khả năng đóng góp đầy đủ của cha mẹ từ năm nay.

Cũng trong chiều hướng đó, các lớp phổ cập giúp “vớt vát” ngày càng nhiều những học sinh đã bỏ học. Thật chính đáng khi nghĩ rằng số kinh phí dành cho các lớp phổ cập có thể được sử dụng hiệu quả để ngăn chặn tình trạng học sinh bỏ học bằng cách miễn giảm hoàn toàn cho những em có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Giáo dục cho trẻ em người dân tộc thiểu số nhìn chung không có khó khăn gì đặc biệt, do có các chính sách hỗ trợ của tỉnh và địa phương, cũng như sự quan tâm của cộng đồng, và người dân ở đây. Sự gần gũi trong cuộc sống đủ để cho giáo viên hay cha mẹ học sinh có cái nhìn đúng đắn hơn về nhóm dân tộc thiểu số. Dù một số người Kinh, nhất là những người đã buộc phải cho con thôi học vì không có tiền đóng góp, vẫn còn ít nhiều định kiến thể hiện qua thái độ không bằng lòng, hay một vài cha mẹ không thích cho con học trong các lớp có học sinh dân tộc vì cho rằng các em này học yếu, ảnh hưởng tới con họ. Vì thế chủ trương hỗ trợ học sinh dân tộc, đảm bảo quyền bình đẳng trong tiếp cận giáo dục cho đối tượng này cần được tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng người Kinh. Trong phần linh hoạt của chương trình học ở mẫu giáo và tiểu học có thể đưa thêm những thông tin về các dân tộc thiểu số và giúp các em từ bé làm quen với sự đa dạng này.

Chính sách nhằm duy trì sĩ số trong nhà trường, kể cả các lớp phổ cập đã chứng minh tính hiệu quả. Tuy nhiên cũng còn một hạn chế làm cho ta không đo lường được kết quả chính xác vì chỉ ghi nhận được các trường hợp có hộ khẩu tại địa phương. Các em không có hộ khẩu, nếu

được phép theo học tại địa phương, sẽ không được quản lý chặt chẽ và cũng không được theo dõi tại nguyên quán. Trong một vùng mà việc tăng dân số cơ học cao và việc đăng ký thường trú không đơn giản, việc huy động các em không có đăng ký hộ khẩu đi học hoàn toàn tùy thuộc vào ý thức của cha mẹ. Có lẽ đây không phải là một vấn đề lớn của địa phương vì số dân nhập cư đa phần là công nhân và nhu cầu cho con đi học rất cao. Nhưng vấn đề này cũng cho phép ta suy nghĩ về một khía cạnh hạn chế trong việc thực hiện cưỡng bách giáo dục.

Hiện nay, hệ thống giáo dục đang vận hành rất nhanh theo hướng thuận lợi cho việc đạt được những mục tiêu Giáo dục cho Mọi người và nâng cao chất lượng giáo dục. Hoàn cảnh có thể thay đổi từ địa phương này qua địa phương khác tùy theo kinh phí mà huyện và xã có thể dành cho giáo dục, nghĩa là tùy theo các khoản thu thặng dư địa phương có được, hay là tùy theo nhu cầu cấp kinh phí. Không phải là một xã đặc biệt khó khăn, và vì có khu công nghiệp trên địa bàn xã, Suối Tân không được hưởng lợi từ chương trình giảm nghèo nên trước mắt, vấn đề kinh phí xem ra khó giải quyết. Tuy nhiên, về lâu dài, viễn cảnh phát triển của địa phương rất sáng sủa, số hộ nông dân và hộ nghèo sẽ giảm dần. Ta có thể cho rằng, chủ trương phổ cập trung học cơ sở đã thực sự giúp hoàn thành phổ cập cấp tiểu học tại địa phương. Có lẽ nên cố gắng tiến hành phổ cập trung học phổ thông để hoàn thành phổ cập trung học cơ sở và điều này yêu cầu phải có một trường trung học phổ thông ở cự ly mà cha mẹ và học sinh chấp nhận được. Điều này đặt ra vấn đề đầu ra cho các em đã hoàn thành trung học cơ sở hay đã tốt nghiệp trung học phổ thông nhưng không vào đại học, hướng các em đến các trung tâm dạy nghề, kỹ thuật.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cán bộ công nhân viên các trường

Bảng 1. Cán bộ công nhân viên trường mẫu giáo, 2006 - 2007

	Tổng	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ			Thâm niên				Đánh giá giáo viên		
				Cao đẳng sư phạm	Đại học sư phạm	Trung cấp sư phạm	Trong trường				Giỏi	Khá	Trung bình
							≤ 5 năm	> 5 năm	≤ 5 năm	> 5 năm			
Hiệu trưởng	1	1						1					
Giáo viên	7		7	4	1	2	4	3	4	3	3	3	1

Bảng 2. Cán bộ công nhân viên trường tiểu học, 2006 - 2007

Fonction	Tổng	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Số lượng cán bộ theo trình độ		Số lượng cán bộ theo thâm niên giảng dạy		
					Trung cấp sư phạm	Cao đẳng sư phạm	< 1 năm	≤ 5 năm	> 5 năm
Hiệu trưởng, hiệu phó	2	2		1		2			2
Giáo viên	26	26		21	18	8		2	24
Nhân viên hành chính	4	3	1	2					
Nhân viên hậu cần	2		2						
Tổng cộng	34	31	3	24	18	10		2	26

Bảng 3. Cán bộ công nhân viên trường trung học cơ sở, 2006 - 2007

Fonction	Tổng	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Số lượng cán bộ theo trình độ		Số lượng cán bộ theo thâm niên giảng dạy		
					Trung cấp sư phạm	Cao đẳng sư phạm	< 1 năm	≤ 5 năm	> 5 năm
Hiệu trưởng, hiệu phó	2	2		1		2			2
Giáo viên	26	26		21	18	8		2	24
Nhân viên hành chính	4	3	1	2					
Nhân viên hậu cần	2		2						
Tổng cộng	34	31	3	24	18	10		2	26

Phụ lục 2. Kết quả của học sinh, năm 2005 - 2006

Bảng 4. Kết quả học lực và dinh dưỡng, năm học 2005 - 2006

		Số lượng	Tỉ lệ
Học Lực	Giỏi	40	19,6
	Khá	106	51,9
	Trung bình	52	25,5
	Yếu	6	3,0
	Tổng cộng	204	100,0
Dinh dưỡng	Kênh A	161	78,9
	Kênh B	42	20,6
	Kênh C	1	0,5
	Tổng cộng	204	100,0

Bảng 5. Kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh, năm học 2005 - 2006

			Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng cộng	
			Sl.	%	Sl.	%	Sl.	%	Sl.	%	Sl.	%	Sl.	%
Học lực	Giỏi	Môn toán	88	62,0	66	55,0	97	57,7	28	20,0	74	46,5	353	48,4
		Môn tiếng Việt	95	66,9	81	67,5	107	63,7	29	20,7	52	32,7	364	49,9
		Kết quả xếp loại cuối năm									77	48,4		
	Khá	Môn toán	45	31,7	45	37,5	53	31,5	56	40,0	57	35,8	256	35,1
		Môn tiếng Việt	38	26,8	31	25,8	53	31,5	90	64,3	84	52,8	296	40,6
		Kết quả xếp loại cuối năm									51	32,1		
	TB	Môn toán	8	5,6	9	7,5	18	10,7	56	40,0	28	17,6	119	16,3
		Môn tiếng Việt	7	4,9	8	6,7	8	4,8	21	15,0	23	14,5	67	9,2
		Kết quả xếp loại cuối năm									31	19,5		
	Yếu	Môn toán	1	0,7	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	1	0,1
		Môn tiếng Việt	2	1,4	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	2	0,3
		Kết quả xếp loại cuối năm	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0,0	-	-
Hạnh kiểm	Tốt		100,0%		100,0%		100,0%		81,9%		87,4%		-	
		Khá	-		-		-		18,1%		12,6%		-	

Phụ lục 3. Biểu tổng hợp tình trạng học, năm học 2005 - 2006

Bảng 6. Biểu tổng hợp tình trạng học tiểu học, năm học 2005 - 2006

			Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng cộng	
			Sl.	%	Sl.	%	Sl.	%	Sl.	%	Sl.	%	Sl.	%
Học lục	Giỏi	Môn toán	88	62,0	66	55,0	97	57,7	28	20,0	74	46,5	353	48,4
		Môn tiếng Việt	95	66,9	81	67,5	107	63,7	29	20,7	52	32,7	364	49,9
		Kết quả xếp loại cuối năm											77	48,4
	Khá	Môn toán	45	31,7	45	37,5	53	31,5	56	40,0	57	35,8	256	35,1
		Môn tiếng Việt	38	26,8	31	25,8	53	31,5	90	64,3	84	52,8	296	40,6
		Kết quả xếp loại cuối năm											51	32,1
	TB	Môn toán	8	5,6	9	7,5	18	10,7	56	40,0	28	17,6	119	16,3
		Môn tiếng Việt	7	4,9	8	6,7	8	4,8	21	15,0	23	14,5	67	9,2
		Kết quả xếp loại cuối năm											31	19,5
	Yếu	Môn toán	1	0,7	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	1	0,1
		Môn tiếng Việt	2	1,4	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	2	0,3
		Kết quả xếp loại cuối năm	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0,0	-	-
Hành kiểm	Tốt		100,0%		100,0%		100,0%		81,9%		87,4%		-	
	Khá		-		-		-		18,1%		12,6%		-	

Bảng 7. Biểu tổng hợp tình trạng học trung học cơ sở, năm học 2005 - 2006

Độ tuổi	Năm sinh	Tổng số đối tượng trong độ tuổi	Số đối tượng khuyết tật, chuyển, chết	Số đối tượng phải phổ cấp	Tổng số đối tượng đang học THCS						Tốt nghiệp THCS			
					Tổng	Lớp 6		Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	2004/05	Trước 2004/05	Trong đó HS phổ cấp	
						TN TH năm 2004/05	TN TH trước 2004/05							
11	1995	161	6	146	144	144								
12	1994	170	11	156	156	8	4	144						
13	1993	205	7	197	188	1	2	23	162					
14	1992	191	11	179	166	1		4	20	141				
11-14	-	727	35	678	654	154	6	171	182	141				
15	1991	212	11	201	16			3	1	8	4	161		
16	1990	178	8	170	4					2	2	15	129	59
17	1989	203	14	189	1					1			167	42
18	1988	182	13	169	1					1			153	34
15-18	-	775	46	729	23			3	1	10	9	176	449	135
Cộng		1 502	81	1 407	676	154	6	174	183	151	8	176	449	135

Bảng 8. Thống kê bỏ học

Độ tuổi	Năm sinh	Tổng số đối tượng trong độ tuổi	Số khuyết tật, chuyển, chết	Số đối tượng phải phổ cấp	Đang học	Tốt nghiệp TH		Tốt nghiệp THCS		Bỏ học ở tiểu học	Bỏ học ở THCS			
						Số lượng	%	Số lượng	%		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
11	1995	161	6	155	153	146	94,2				2			
12	1994	170	11	159	157	158	99,4				2			
13	1993	205	7	198	190	196	99,0				4	4		
14	1992	191	11	180	168	178	98,9				2	4	6	
11-14	-	727	35	692	668	678	98,0				10	8	6	
15	1991	212	11	201	16	201	100,0	161	80,1		3	8	5	8
16	1990	178	8	170	4	169	99,4	144	85,2	1	3	9	4	5
17	1989	203	14	189	1	188	99,5	167	88,8	1	7	4	2	7
18	1998	182	13	169	1	169	100,0	153	90,5		5	1	6	3
15-18	-	775	46	729	22	727	99,7	625	86,0	2	18	22	17	23
Cộng		1 502	81	1 421	690	1 405	98,9	625	86,0	2	28	30	23	23

Chủ biên

Nolwen Henaff, Trần Thị Kim Thuận

Tác giả

Marie-France Lange, Jean-Yves Martin,

Đinh Thị Bích Loan, Nguyễn Thị Văn

Nghiên cứu Chất Lượng Giáo dục Tỉnh Khánh Hòa



Nhà Xuất Bản Thế Giới
Hà Nội - 2007

Aide et Action
Asie du Sud-Est

Chủ biên

Nolwen Henaff, Trần Thị Kim Thuận

Tác giả

Marie-France Lange, Jean-Yves Martin,
Đinh Thị Bích Loan, Nguyễn Thị Văn

Nghiên cứu Chất Lượng Giáo dục Tỉnh Khánh Hòa



Nhà Xuất Bản Thế Giới
Hà Nội - 2007



Asie du Sud - Est